

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: THÚ Y

Mã ngành: 7640101

*(Kèm theo Quyết định số 815.../QĐ-NTT ngày 24 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Thú y

- Tên tiếng Anh: Veterinary Medicine

1.2 Các chuyên ngành

+ Chuyên ngành 1: Bệnh học Động vật

+ Mã chuyên ngành 1: 764010101

+ Chuyên ngành 2: Dược Thú y

+ Mã chuyên ngành 2: 764010102

+ Chuyên ngành 3: Thú y thủy sản

+ Mã chuyên ngành 3: 764010103

+ Chuyên ngành 4: Thú cưng

+ Mã chuyên ngành 4: 764010104

1.3 Trình độ đào tạo: Đại học

1.4 Loại hình đào tạo: Chính quy

1.5 Khóa học áp dụng: Từ khóa 2024

1.6 Thời gian đào tạo (dự kiến): Từ 4.5 năm đến 5 năm

1.7 Định hướng đào tạo: Định hướng nghề nghiệp



1.8 Tên văn bằng tốt nghiệp: Bác sỹ Thú y

+ Tên tiếng Việt: Bác sỹ Thú y

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor in Veterinary Medicine

1.9 Đơn vị đào tạo:

- Tên Khoa/Viện quản lý: Viện Kỹ thuật Công nghệ cao
- Địa chỉ: 1165 Quốc Lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TP.HCM
- Website: biotechdepart.wixsite.com/nttu-bio
- Email: vetmed@ntt.edu.vn
- Số điện thoại: 1900 2039 - Ext: 502
- Facebook: <https://www.facebook.com/nttuvet>

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp THPT
- Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo. Dự kiến năm học 2024, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ tuyển sinh theo 04 phương thức:

Phương thức 1: xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024 theo tổ hợp môn.

Phương thức 2: xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

- Tổng ĐTB 1 HK lớp 10 + ĐTB 1 HK lớp 11 + ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
- Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
- Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

Phương thức 3: xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM & Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phương thức 4: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Tổ hợp môn xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị nợ hồ sơ sinh viên;
- Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch và thông báo của Trường.
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có năng lực Ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung Word (W), Excel (E) và Powerpoint (P)
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề:
 - + Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - + Kỹ năng quản lý thời gian
 - + Kỹ năng tìm kiếm công việc
 - + Kỹ năng soạn thảo văn bản
- Đạt chứng chỉ về An toàn phòng thí nghiệm

4. Thang điểm

4.1 Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2 Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm d) khoản này.



a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10

B: từ 7,0 đến 8,4

C: từ 5,5 đến 6,9

D: từ 4,0 đến 5,4

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo của chương trình (PEOs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng tiêu chí tuyển dụng của thị trường lao động các ngành nghề ứng dụng Thú y trong nước và khu vực ASEAN, có năng lực khởi nghiệp trong các lĩnh vực đơn, đa ngành có ứng dụng Thú y.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Trong những năm đầu sau khi tốt nghiệp sinh viên tốt nghiệp có thể:

- PEO1: Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, các nguyên lý và kiến thức chuyên môn Ngành Thú y trong việc tư vấn, chăm sóc sức khỏe, ngăn ngừa, quản lý, phòng chống dịch bệnh ở vật nuôi và các bệnh có khả năng lây lan sang người, an toàn sinh học.



- PEO2: Tư duy phản biện, sáng tạo, khai thác các tài nguyên chuyên ngành, liên ngành lấy trọng tâm nghề nghiệp là chủ đạo góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo tồn sinh thái, môi trường và phát triển bền vững.

- PEO3: Giữ vững đạo đức nghề nghiệp và uy tín Ngành Thú y, hình thành thái độ tự học và năng lực học tập suốt đời, tư duy đổi mới – sáng tạo, năng lực ứng dụng khoa học công nghệ và năng lực khởi nghiệp để phát triển đa dạng Ngành Thú y đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Thú y có thể:

Chuẩn đầu ra – PLOs		Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện – PPCs	
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, liên ngành, công nghệ, chính trị, pháp luật vào giải quyết các vấn đề đương đại, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và Liên Hiệp Quốc trong thực tế lĩnh vực Ngành Thú y	K1.1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của Ngành Thú y
		K1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của Ngành Thú y
		K1.3	Vận dụng kiến thức liên ngành và công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của Ngành Thú y
		K1.4	Vận dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật, sự hiểu biết các vấn đề đương đại và các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc vào việc giải quyết các vấn đề của ngành Thú y
Kiến thức chuyên môn			
PLO2 (K2)	Áp dụng được kiến thức ngành và liên ngành trong chăm sóc, điều trị bệnh động vật theo tiêu chuẩn của Ngành Thú y	K2.1	Áp dụng kiến thức ngành và liên ngành vào chăm sóc và bảo vệ sức khỏe động vật
		K2.2	Áp dụng các kiến thức ngành và liên ngành để hỗ trợ điều trị bệnh trên động vật
PLO3 (K3)	Vận dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý sức khỏe động vật, dịch tễ và nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn Ngành Thú y.	K3.1	Áp dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý sức khỏe động vật
		K3.2	Áp dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý dịch tễ Thú y
		K3.3	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm Ngành Thú y
Kỹ Năng			

Kỹ Năng Tổng Quát			
PLO4 (S1)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau trong kỷ nguyên số	S1.1	Giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
		S1.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt văn hóa
		S1.3	Ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác quản lý dữ liệu và tài nguyên giáo dục mở, góp phần hình thành năng lực số cho người học.
PLO5 (S2)	Phối hợp (integrate) tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong các bối cảnh của Ngành Thú y	S2.1	Vận dụng tư duy <u>phản biện</u> trong phân tích và đánh giá thông tin, dữ liệu.
		S2.2	Vận dụng <u>kỹ năng giải quyết vấn đề</u> bao gồm nhận biết vấn đề, thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề.
		S2.3	Đề xuất các ý tưởng sáng tạo cho giải quyết vấn đề.
PLO6 (S3)	Làm việc một cách hiệu quả với những nhóm đa chức năng trong vai trò lãnh đạo hay thành viên.	S3.1	Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian trong quá trình làm việc nhóm.
		S3.2	Vận dụng kỹ năng quan hệ nội bộ bao gồm thiết lập sự nổi kết, giải quyết mâu thuẫn và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc của nhóm.
		S3.3	Đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm phục vụ cải tiến liên tục.
Kỹ năng chuyên môn			
PLO7 (S4)	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng, các quy trình trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe vật nuôi	S4.1	Phối hợp các kỹ thuật lâm sàng và dữ liệu cận lâm sàng trong chẩn đoán bệnh
		S4.2	Xây dựng và thực hiện thành thạo các phác đồ điều trị bệnh
		S4.3	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để thực hiện các quy trình chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh ở vật nuôi
PLO8 (S5)	Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe vật nuôi và cộng đồng	S5.1	Truyền thông về giáo dục sức khỏe động vật và mối liên hệ sức khỏe cộng đồng
		S5.2	Tư vấn điều trị, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe vật nuôi
PLO9 (S6)	Thực hiện và tham gia các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Thú y	S6.1	Nghiên cứu về bệnh lý, vấn đề sức khỏe phục vụ thực hành lâm sàng và quản lý dịch bệnh động vật



		S6.2	Nghiên cứu phát triển thuốc và thực phẩm Ngành Thú y
Mức độ tự chủ và trách nhiệm chung			
PLO10 (A1)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức, nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	A1.1	Tuân thủ pháp luật và thể hiện các chuẩn mực đạo đức, văn hóa trong tập thể và cộng đồng
		A1.2	Thể hiện sự hiểu biết các quy định pháp luật liên quan tới ngành nghề, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng, thúc đẩy phát triển bền vững.
PLO11 (A2)	Thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời	A2.1	Xác định năng lực của bản thân trong bối cảnh nghề nghiệp
		A2.2	Chủ động học tập, bồi dưỡng kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc
		A2.3	Thể hiện tinh thần khởi nghiệp, phục vụ cộng đồng

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Program Ideas)

- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển Trường, Khoa/Viện theo từng giai đoạn;
- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến trên cơ sở kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan;
- Chú trọng tính quốc tế hóa trong thiết kế, cải tiến chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Khoa xét duyệt thông qua.

2. Môi liên hệ của các học phần với mục tiêu đào tạo

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
PEO1	Triết học Mác - Lê nin	3	121	167	100 %
	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2			



Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
	Pháp luật đại cương	2			
	Anh văn cấp độ 1	3			
	Anh văn cấp độ 2	3			
	Anh văn cấp độ 3	3			
	Anh văn cấp độ 4	3			
	Anh văn cấp độ 5	3			
	Anh văn cấp độ 6	3			
	Tiếng Đức cấp độ 1	3			
	Tiếng Đức cấp độ 2	3			
	Tiếng Đức cấp độ 3	3			
	Tiếng Đức cấp độ 4	3			
	Tiếng Đức cấp độ 5	3			
	Tiếng Đức cấp độ 6	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 1	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 2	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 3	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 4	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 5	3			
	Tiếng Nhật cấp độ 6	3			
	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2			



Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2			
	Tư duy sáng tạo	2			
	Tư duy phân biện	2			
	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2			
	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	2			
	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	2			
	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2			
	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	2			
	Hóa hữu cơ và phân tích	3			
	Sinh hóa	2			
	Animal cellular and molecular biology	2			
	Animal Genetics	2			
	Vi sinh vật học	2			
	Vi sinh vật học - Thực hành	1			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2			
	Sinh lý động vật 1	2			
	Sinh lý động vật 2	2			
	Sinh lý động vật - Thực hành	1			
	Cơ thể động vật đại cương	2			
	Cơ thể động vật đại cương - Thực hành	1			



Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Mô phôi	3			
	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	3			
	Chăn nuôi gia súc	3			
	Miễn dịch Thú y	3			
	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2			
	Dịch tễ học Thú y	2			
	Giống và chọn giống vật nuôi	2			
	Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y	2			
	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2			
	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	2			
	Vi sinh Thú y	2			
	Vi sinh Thú y - Thực hành	1			
	Dược lý Thú y	3			
	Dược lý Thú y - Thực hành	1			
	Ký sinh trùng Thú y	2			
	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	1			
	Sinh lý bệnh Thú y	2			
	Giải phẫu bệnh Thú y	2			
	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	1			
	Cơ thể động vật so sánh	2			
	Bệnh nội khoa 1	2			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	1			
	Sân khoa	2			
	Sân khoa - Thực hành	1			
	Ngoại khoa 1	2			
	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1			
	Bệnh truyền nhiễm chung	3			
	Bệnh truyền nhiễm chó mèo	2			
	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3			
	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2			
	Kiểm nghiệm thú sản	2			
	Luật Thú y và phúc lợi động vật	2			
	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	2			
	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	2			
	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	1			
	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2			
	Một sức khỏe	2			
	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2			
	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2			
	Chăn nuôi công nghệ cao	2			
	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2			
	Ngoại khoa 2	2			
	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2			
	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1			
	Độc chất học Thú y	2			
	Bệnh nội khoa 2	2			
	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2			
	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1			
	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1			
	Dược liệu Thú y	2			
	Dược lâm sàng Thú y	2			
	Hóa dược Thú y	2			
	Hóa dược Thú y - Thực hành	1			
	Dược động học Thú y ứng dụng	2			
	Công nghệ vaccine	2			
	Công nghệ vaccine - Thực hành	1			
	Thiết kế thuốc	2			
	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1			
	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2			
	Bệnh cá	2			
	Bệnh cá - Thực hành	1			
	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2			
	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
	Dược thủy sản	2			
	Bệnh tôm	2			
	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2			
	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2			
	Tập tính học thú cưng	1			
	Bệnh thú cưng	2			
	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	2			
	Thăm mý thú cưng	2			
	Ngoại khoa thú cưng	2			
	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1			
	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1			
	Thực tập trang trại gia cầm	2			
	Thực tập trang trại heo	2			
	Thực tập trang trại	2			
	Thực tập trang trại thủy sản	2			
	Thực tập phòng khám Thú y	2			
	Khóa luận tốt nghiệp	7			
	Tiểu luận tốt nghiệp	3			
	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2			
	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	2			
	Thực tập dược Thú y	2			
	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%) / tổng tín chỉ
PEO2	(tương tự các học phần đáp ứng PEO1)		121	167	100 %
PEO3	(tương tự các học phần đáp ứng PEO1)		121	167	100 %

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 167 tín chỉ

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ, tỉ lệ: 7,8 %
- Kiến thức khoa học cơ bản: 24 tín chỉ, tỉ lệ: 14,4 %
- Kiến thức Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, năng lực số và công nghệ chuyên dụng: 8 tín chỉ, tỉ lệ: 4,8 %
- Kiến thức chuyên nghiệp: 122 tín chỉ, tỉ lệ: 73,0 %
 - + Kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ, tỉ lệ: 24,0 %
 - + Kiến thức cốt lõi ngành: 67 tín chỉ, tỉ lệ: 40,0 %
 - + Thực tập và trải nghiệm: 8 tín chỉ, tỉ lệ: 4,8 %
 - + Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ, tỉ lệ: 4,2 %

4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			13						
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	Marxist - Leninist philosophy	3	45	0	105		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	Political economics of Marxism and Leninism	2	30	0	70	075580 (a), 075581 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific socialism	2	30	0	70	075580 (a), 075584 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	70	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	0	70	075580 (a), 075581 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận
6	070011	Pháp luật đại cương	General Law	2	30	0	70		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi tự luận
7	070023	Giáo dục thể chất	Physical and Education	5	15	90	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Defense and Security Education	8	77	72	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
II	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN			24						
		Bắt buộc		22						
9	078165	Anh văn cấp độ 1	English level 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiêu luận/ Nói
10	078166	Anh văn cấp độ 2	English level 2	3	0	90	60	078165 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiêu luận/ Nói
11	078167	Anh văn cấp độ 3	English level 3	3	0	90	60	078166 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiêu luận/ Nói
12	078168	Anh văn cấp độ 4	English level 4	3	0	90	60	078167 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiêu luận/ Nói

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
13	078169	Anh văn cấp độ 5	English level 5	3	0	90	60	078168 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
14	078170	Anh văn cấp độ 6	English level 6	3	0	90	60	078169 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
15	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	German level 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
16	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	German level 2	3	0	90	60	078177 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
17	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	German level 3	3	0	90	60	078178 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
18	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	German level 4	3	0	90	60	078179 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
19	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	German level 5	3	0	90	60	078180 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
20	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	German level 6	3	0	90	60	078181 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
21	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	Japanese 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
22	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	Japanese 2	3	0	90	60	078171 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
23	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	Japanese 3	3	0	90	60	078172 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
24	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	Japanese 4	3	0	90	60	078173 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
25	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	Japanese 5	3	0	90	60	078174 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
26	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	Japanese 6	3	0	90	60	078175 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
27	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	MOS 1	2	0	60	40		Thuyết giảng/thực hành	Bài thi thực hành
28	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	MOS 1	2	0	60	40		Thuyết giảng/thực hành	Bài thi thực hành
		Tự chọn		2						
29	070796	Tư duy sáng tạo	Creative thinking	2	30	0	70		Thuyết giảng/thuyết trình/thảo luận nhóm	Thuyết trình/thảo luận
30	078515	Tư duy phản biện	Critical thinking	2	15	30	55		Thuyết giảng/thuyết trình/thảo luận nhóm	Thuyết trình/thảo luận
III	KIẾN THỨC THUỘC KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, NĂNG LỰC SỐ VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN DỤNG (KN, ĐMST, NLS & CNCĐ)			8						
31	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Entrepreneurship and Innovation	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E-learning/ đặt câu hỏi/ bài tập tình huống/ thảo luận nhóm/ Thuyết trình	Báo cáo tiểu luận
32	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	Basic skills in the digital era	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E-learning/ Thảo luận nhóm	Thi trắc nghiệm

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
33	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	Advanced skills in the digital era	2	30	0	70	078518 (a)	Thuyết giảng/ E- learning/Th ảo luận nhóm/thuyế t trình	Báo cáo tiểu luận
34	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	Digital Competence and exploiting open educational resources	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E- learning	Thi tự luận
III	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			40						
		Bắt buộc:		36						
35	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	Introduction to the Veterinary Medical Profession	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
36	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	Organic chemistry and analytical chemistry	3	30	30	90		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
37	078946	Sinh hóa	Biochemistry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
38	078951	Sinh học phân tử và tế bào động vật	Animal cellular and molecular biology	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
39	078947	Di truyền học động vật	Animal Genetics	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
40	078955	Vi sinh vật học	General microbiology	2	30	0	70		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
41	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	General microbiology - Practice	1	0	30	20	078955 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành
42	078964	Phương pháp nghiên cứu	Methods of scientific	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		khoa học trên động vật	research on animals							
43	078948	Sinh lý động vật 1	Animal physiology 1	2	30	0	70		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
44	078949	Sinh lý động vật 2	Animal physiology 2	2	30	0	70	078948 (a)	Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
45	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	Animal physiology - Practice	1	0	30	20	078948 (a), 078949 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành
46	078950	Cơ thể động vật đại cương	Animal anatomy	2	15	30	55		Thuyết giảng/ thuyết trình, thực hành	Trắc nghiệm
47	078954	Mô phôi	Histology and embryology	3	30	30	90		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
48	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	Nutrition and Poultry Production	3	45	0	105		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
49	078965	Miễn dịch Thú y	Veterinary immunology	3	30	30	90		Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
50	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	Statistics and experimental design methods in veterinary medicine	2	30	0	70		Thuyết giảng / Bài tập	Trắc nghiệm
51	078974	Dịch tễ học Thú y	Veterinary epidemiology	2	30	0	70	078955 (a), 078957 (a)	Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
		Tự chọn:		4						
52	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	Animal breeds and breeding	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
53	078968	Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y	Animal biotechnology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Trắc nghiệm

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
54	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	Molecular diagnosis technology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Bài tập	Trắc nghiệm
55	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	Animal cell biotechnology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Trắc nghiệm
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH/ CHUYÊN SÂU/ CỐT LÕI NGÀNH			53						
		Bắt buộc:		51						
56	078958	Vi sinh Thú y	Veterinary microbiology	2	30	0	70	078955 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Trắc nghiệm
57	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	Veterinary microbiology - Practice	1	0	30	20	078955 (a), 078958 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
58	078960	Dược lý Thú y	Veterinary pharmacology	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
59	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	Veterinary pharmacology - Practice	1	0	30	20	078960 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
60	078972	Ký sinh trùng Thú y	Veterinary parasitology	3	45	0	105	078955 (a)	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở	Trắc nghiệm
61	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	Veterinary parasitology - Practice	1	0	30	20	078955 (a), 078972 (c)	Thuyết giảng, thực hành	đánh giá báo cáo
62	078969	Sinh lý bệnh Thú y	Veterinary pathophysiology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
63	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	Veterinary pathoanatomy	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
64	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	Veterinary pathoanatomy - Practice	1	0	30	20	078970 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
65	078953	Cơ thể động vật so sánh	Comparative veterinary anatomy	2	15	30	55	078948 (a), 078949 (a), 078950 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
66	078979	Bệnh nội khoa I	Internal medicine I	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
67	078980	Bệnh nội khoa I - Thực hành	Internal medicine I - Practice	1	0	30	20	078979 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
68	078977	Sản khoa	Obstetrics	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
69	078978	Sản khoa - Thực hành	Obstetrics - Practice	1	0	30	20	078977 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
70	078986	Ngoại khoa I	Surgery I	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
71	078987	Ngoại khoa I - Thực hành	Surgery I - Practice	1	0	30	20	078986 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
72	078984	Chăn nuôi gia súc	Domestic- livestock Production	3	45	0	105		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
73	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	Zoonosis	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
74	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	Infectious diseases in domestic animals	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
75	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	Infectious diseases in poultry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
76	078991	Kiểm nghiệm thú sản	Inspection of livestock products	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
77	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	Animal laws and welfare	2	30	0	70		Thuyết giảng/thảo luận	Trắc nghiệm
78	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	Subclinical diagnosis in veterinary medicine	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
79	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	Clinical diagnosis in veterinary medicine	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
80	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	Clinical diagnosis in veterinary medicine - Practice	1	0	30	20	078962 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
81	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	Assisted reproductive technology in animal	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
82	078990	Một sức khỏe	One health	2	30	0	70		Thuyết giảng/thảo luận	Trắc nghiệm
		Tự chọn:		2						
83	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	Environment and animal health	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
84	078993	Công nghệ bảo quản và chế	Preservation and processing technology of	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Trắc nghiệm

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		biến sản phẩm chăn nuôi	animal products							
85	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	Hi-tech animal husbandry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
IV	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH RIÊNG			14						
		Chuyên ngành Bệnh học Thú y		14						
		Bắt buộc:		12						
86	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	Veterinary diagnostic imaging	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
87	078996	Ngoại khoa 2	Surgery 2	2	30	0	70	078986 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
88	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	Surgery 2 - Practice	1	0	30	20	078996 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
89	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	Advanced veterinary pathophysiology and pathology	2	30	0	70	078948 (a), 078949 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
90	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	Advanced veterinary pathophysiology and pathology - Practice	1	0	30	20	079010 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
91	079012	Độc chất học Thú y	Veterinary toxicology	2	15	30	55		Thuyết giảng/thảo luận	Tự luận
92	078998	Bệnh nội khoa 2	Internal medicine 2	2	30	0	70	078979 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
		Tự chọn:		2						

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
93	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	Advanced veterinary surgery	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
94	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
95	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	Internal medicine 2 - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
		Chuyên ngành Dược Thú y		14						
		Bắt buộc:		12						
96	078999	Dược liệu Thú y	Veterinary pharmacognosy	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
97	079000	Dược lâm sàng Thú y	Veterinary clinical pharmacy	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
98	079001	Hóa dược Thú y	Veterinary pharmaceutical chemistry	2	30	0	70	078960 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
99	079002	Hóa dược Thú y - Thực hành	Veterinary pharmaceutical chemistry - Practice	1	0	30	20	078960y (a) 079001 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
100	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	Applied veterinary pharmacokineti cs	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
101	079016	Công nghệ vaccine	Vaccine technology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
102	079017	Công nghệ vaccine - Thực hành	Vaccine technology - Practice	1	0	30	20	079016 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành,

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
										đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
103	079019	Thiết kế thuốc	Drug design	2	15	30	55		Thuyết giảng/Thực hành	Tự luận
104	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
105	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	Medicinal extract - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
		Chuyên ngành Thú y thủy sản		14						
		Bắt buộc:		12						
106	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	Diagnosis of aquatic diseases	2	30	0	70		Thuyết giảng, Bài tập	Tự luận
107	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	Diagnosis of aquatic diseases - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
108	079003	Bệnh cá	Fish disease	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
109	079004	Bệnh cá - Thực hành	Fish disease - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
110	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Aquatic Immunology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
111	079023	Dược thủy sản	Aquatic pharmacology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
112	079005	Bệnh tôm	Shrimp disease	2	15	30	55		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận, đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
113	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	Saltwater aquaculture	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận
114	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	Medicinal extract - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
115	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
		Chuyên ngành Thú cưng		14						
		Bắt buộc:		12						
116	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	Veterinary diagnostic imaging	2	30	0	70		Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thuyết trình,	trắc nghiệm
117	079025	Tập tính học thú cung	Pet behaviorology	1	15	0	35		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
118	079026	Bệnh thú cưng	Pet disease	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
119	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	Pet healthcare	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
120	079027	Thẩm mỹ thú cung	Pet beauty care	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
121	079008	Ngoại khoa thú cung	Pet surgery	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
122	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	Pet surgery – Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
123	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	Advanced veterinary surgery	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
124	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	Pet behavior – Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
125	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
V	THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			8						
		<i>Sinh viên chọn 4 học phần thực tập</i>	8							
126	079030	Thực tập trang trại gia cầm	Internship in poultry farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
127	079029	Thực tập trang trại heo	Internship in pig farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
128	079031	Thực tập trang trại thủy sản	Internship in aquatic farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
129	079032	Thực tập phòng khám Thú y	Internship in veterinary clinic	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
130	079033	Thực tập trang trại	Internship in farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	
VI	ĐỒ ÁN/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP			7						
		<i>Tự chọn xét điều kiện</i>		7						
131	079034	Khóa luận tốt nghiệp	Veterinary thesis	7	0	210	140		Thực hiện khóa luận	Báo cáo

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		<i>Phương án thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		7						
132	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	Veterinary project	3	0	90	60		Thực hiện tiểu luận	Báo cáo
133	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	Internship in diagnostic imaging	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
134	079037	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	Internship in veterinary inspection centers	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
135	079038	Thực tập dược Thú y	Internship in veterinary pharmacy	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
136	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	Internship in animal feed	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

Bảng 17a. Kế hoạch giảng dạy và học tập trước hạn dự kiến

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 1			10		
1.	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	2		
2.	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	3		
3.	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2		
4.	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8*		
5.	078165	Anh văn cấp độ 1	3		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
6.	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3		
7.	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	3		
HỌC KỲ 2			14		
1.	078946	Sinh hóa	2		
2.	078947	Animal Genetics	2		
3.	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	2		
4.	075580	Triết học Mác - Lê nin	3		
5.	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)	
6.	078166	Anh văn cấp độ 2	3	078165 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
7.	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3	078171 (a)	
8.	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	3	078177 (a)	
HỌC KỲ 3			13		

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
1.	078948	Sinh lý động vật 1	2		
2.	078950	Cơ thể động vật đại cương	2		
3.	078951	Animal cellular and molecular biology	2		
4.	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	2		
5.	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580 (a), 075581 (a)	
6.	070023	Giáo dục thể chất	5*		
7.	078167	Anh văn cấp độ 3	3	078166 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
8.	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	3	078172 (a)	
9.	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	3	078178 (a)	
HỌC KỲ 4			14		
1.	078949	Sinh lý động vật 2	2	078948 (a)	
2.	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	1	078948 (a), 078949 (c)	
3.	078953	Cơ thể động vật so sánh	2	078948 (a), 078949 (a), 078950 (a)	
4.	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580 (a), 075584 (a)	
5.	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2		
6.	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2		
7.	078168	Anh văn cấp độ 4	3	078167 (a)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
8.	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	3	078173 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
9.	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	3	078179 (a)	
HỌC KỲ 5			15		
1.	078954	Mô phôi	3		
2.	078955	Vi sinh vật học	2		
3.	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	1	078955 (c)	
4.	070011	Pháp luật đại cương	2		
5.	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	
6.	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2		
7.	078169	Anh văn cấp độ 5	3	078168 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
8.	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	3	078174 (a)	
9.	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	3	078180 (a)	
HỌC KỲ 6			13		
1.	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2		
2.	078958	Vi sinh Thú y	2	078955 (a)	
3.	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078958 (c)	

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
4.	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	2		
5.	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	1	078962 (c)	
6.	078170	Anh văn cấp độ 6	3	078169 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
7.	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3	078175 (a)	
8.	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	3	078181 (a)	
9.	070796	Tư duy sáng tạo	2		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần khoa học cơ bản
10.	078515	Tư duy phản biện	2		
HỌC KỲ 7			13		
1.	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2		
2.	078965	Miễn dịch Thú y	3		
3.	078960	Dược lý Thú y	3		
4.	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	1	078960 (c)	
5.	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	2		
6.	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
7.	078968	Công nghệ sinh học động vật trong Thú y	2		
HỌC KỲ 8			13		
1.	078969	Sinh lý bệnh Thú y	2		
2.	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
3.	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	1	078970 (c)	
4.	078972	Ký sinh trùng Thú y	3	078955 (a)	
5.	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078972 (c)	
6.	078974	Dịch tễ học Thú y	2	078955 (a), 078957 (a)	
7.	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	2		
		HỌC KỲ 9	14		
1.	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3		
2.	078977	Sản khoa	2		
3.	078978	Sản khoa - Thực hành	1	078977 (c)	
4.	078979	Bệnh nội khoa 1	2		
5.	078980	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	1	078979 (c)	
6.	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	2		
7.	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
8.	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	2		
		HỌC KỲ 10	13		
1.	078984	Chăn nuôi gia súc	3		
2.	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2		
3.	078986	Ngoại khoa 1	2		

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
4.	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	078986 (c)	
5.	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3		
6.	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2		
HỌC KỲ 11			13		
1.	078990	One health	2		
2.	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2		
3.	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ 1 trong 3 học phần chuyên ngành chung
4.	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		
5.	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
2.	078996	Ngoại khoa 2	2	078986 (a)	
3.	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	078996 (c)	
4.	078998	Bệnh nội khoa 2	2	078979 (a)	
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
5.	078999	Dược liệu Thú y	2		
6.	079000	Dược lâm sàng Thú y	2		
7.	079001	Hóa dược Thú y	2	078960 (a)	
8.	079002	Hóa dược Thú y - Thực Hành	1	078960 (a) 079001 (c)	
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
9.	079003	Bệnh cá	2		
10.	079004	Bệnh cá - thực hành	1		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
11.	079005	Bệnh tôm	2		
12.	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
13.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
14.	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cung	2		
15.	079008	Ngoại khoa thú cưng	2		
16.	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1		
HỌC KỲ 12			7		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2	078948 (a), 078949 (a)	
2.	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1	079010 (c)	
3.	079012	Độc chất học Thú y	2		
4.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
5.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
6.	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
7.	079016	Công nghệ vaccine	2		
8.	079017	Công nghệ vaccine – Thực hành	1	079016 (c)	
9.	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	2		
10.	079019	Thiết kế thuốc	2		Sinh viên tự chọn 2
11.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
12.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
13.	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2		
14.	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1		
15.	079023	Dược thủy sản	2		
16.	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
17.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
18.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
19.	079025	Tập tính học thú cưng	1		
20.	079026	Bệnh thú cưng	2		
21.	079027	Thăm mý thú cưng	2		
22.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
23.	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1		
24.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
Thực tập			6		
1.	079029	Thực tập trang trại heo	2		Sinh viên tự chọn 3
2.	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2		
3.	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
4.	079032	Thực tập phòng khám Thú y	2		học phần thực tập
HỌC KỲ 13			9		
5.	079033	Thực tập trang trại	2		
1.	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7		Sinh viên tự chọn 7 tín chỉ tốt nghiệp
2.	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3		
3.	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2		
4.	079037	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	2		
5.	079038	Thực tập dược Thú y	2		
6.	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2		

Bảng 17b. Kế hoạch giảng dạy và học tập đúng hạn dự kiến

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 1			10		
8.	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	2		
9.	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	3		
10.	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2		
11.	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8*		
12.	078165	Anh văn cấp độ 1	3		Sinh viên chọn 1
13.	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3		

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
14.	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	3		trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
HỌC KỲ 2			14		
9.	078946	Sinh hóa	2		
10.	078947	Animal Genetics	2		
11.	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	2		
12.	075580	Triết học Mác - Lê nin	3		
13.	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)	
14.	078166	Anh văn cấp độ 2	3	078165 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
15.	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3	078171 (a)	
16.	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	3	078177 (a)	
HỌC KỲ 3			13		
10.	078948	Sinh lý động vật 1	2		
11.	078950	Cơ thể động vật đại cương	2		
12.	078951	Animal cellular and molecular biology	2		
13.	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	2		
14.	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580 (a), 075581 (a)	
15.	070023	Giáo dục thể chất	5*		
16.	078167	Anh văn cấp độ 3	3	078166 (a)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
17.	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	3	078172 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
18.	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	3	078178 (a)	
HỌC KỲ 4			14		
10.	078949	Sinh lý động vật 2	2	078948 (a)	
11.	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	1	078948 (a), 078949 (c)	
12.	078953	Cơ thể động vật so sánh	2	078948 (a)	
13.	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580 (a), 075584 (a)	
14.	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2		
15.	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2		
16.	078168	Anh văn cấp độ 4	3	078167 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	3	078173 (a)	
18.	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	3	078179 (a)	
HỌC KỲ 5			15		
10.	078954	Mô phôi	3		
11.	078955	Vi sinh vật học	2		
12.	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	1	078955 (c)	
13.	070011	Pháp luật đại cương	2		

BMI2_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
14.	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	
15.	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2		
16.	078169	Anh văn cấp độ 5	3	078168 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	3	078174 (a)	
18.	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	3	078180 (a)	
HỌC KỲ 6			13		
11.	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2		
12.	078958	Vi sinh Thú y	2	078955 (a)	
13.	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078958 (c)	
14.	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	2		
15.	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	1	078962 (c)	
16.	078170	Anh văn cấp độ 6	3	078169 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3	078175 (a)	
18.	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	3	078181 (a)	
19.	070796	Tư duy sáng tạo	2		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần
20.	078515	Tư duy phản biện	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
					khoa học cơ bản
HỌC KỲ 7			13		
8.	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2		
9.	078965	Miễn dịch Thú y	3		
10.	078960	Dược lý Thú y	3		
11.	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	1	078960 (c)	
12.	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	2		
13.	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
14.	078968	Công nghệ sinh học động vật trong Thú y	2		
HỌC KỲ 8			13		
8.	078969	Sinh lý bệnh Thú y	2		
9.	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	2		
10.	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	1	078970 (c)	
11.	078972	Ký sinh trùng Thú y	3	078955 (a)	
12.	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078972 (c)	
13.	078974	Dịch tễ học Thú y	2	078955 (a), 078957 (a)	
14.	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	2		
HỌC KỲ 9			14		
9.	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3		
10.	078977	Sản khoa	2		
11.	078978	Sản khoa - Thực hành	1	078977 (c)	
12.	078979	Bệnh nội khoa 1	2		

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
13.	078980	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	1	078979 (c)	
14.	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	2		
15.	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
16.	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	2		
HỌC KỲ 10			13		
7.	078984	Chăn nuôi gia súc	3		
8.	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2		
9.	078986	Ngoại khoa 1	2		
10.	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	078986 (c)	
11.	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3		
12.	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2		
HỌC KỲ 11			13		
6.	078990	One health	2		
7.	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2		
8.	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ 1 trong 3 học phần chuyên ngành chung
9.	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		
10.	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
17.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
18.	078996	Ngoại khoa 2	2	078986 (a)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
19.	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	078996 (c)	
20.	078998	Bệnh nội khoa 2	2	078979 (a)	
		Chuyên ngành Dược thú y	7		
21.	078999	Dược liệu Thú y	2		
22.	079000	Dược lâm sàng Thú y	2		
23.	079001	Hóa dược Thú y	2	078960 (a)	
24.	079002	Hóa dược Thú y - Thực Hành	1	078960 (a) 079001 (c)	
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
25.	079003	Bệnh cá	2		
26.	079004	Bệnh cá - thực hành	1		
27.	079005	Bệnh tôm	2		
28.	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
29.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
30.	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	2		
31.	079008	Ngoại khoa thú cưng	2		
32.	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1		
HỌC KỲ 12			7		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
25.	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2	078948 (a), 078949 (a)	
26.	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1	079010 (c)	
27.	079012	Độc chất học Thú y	2		
28.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2
29.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
30.	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1		tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
31.	079016	Công nghệ vaccine	2		
32.	079017	Công nghệ vaccine – Thực hành	1	079016 (c)	
33.	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	2		
34.	079019	Thiết kế thuốc	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
35.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
36.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
37.	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2		
38.	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1		
39.	079023	Dược thủy sản	2		
40.	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
41.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
42.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
43.	079025	Tập tính học thú cưng	1		
44.	079026	Bệnh thú cưng	2		
45.	079027	Thăm mý thú cưng	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
46.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
47.	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1		
48.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
HỌC KỲ 13			8		
6.	079029	Thực tập trang trại heo	2		Sinh viên tự chọn 4 học phần thực tập
7.	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2		
8.	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2		
9.	079032	Thực tập phòng khám Thú y	2		
10.	079033	Thực tập trang trại	2		
HỌC KỲ 14			7		
7.	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7		Sinh viên tự chọn 7 tín chỉ tốt nghiệp
8.	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3		
9.	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2		
10.	079037	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	2		
11.	079038	Thực tập dược Thú y	2		
12.	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2		

Lưu ý:

- Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.
- Kế hoạch học tập kéo dài hơn so với kế hoạch đúng hạn dự kiến được gọi là “trễ tiến độ”.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng này cần hiệu chỉnh, chi tiết đến mức 3

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức đơn giản** làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức cơ bản** hay **nâng cao**;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức nâng cao**, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.
- Kế hoạch học tập kéo dài hơn so với kế hoạch đúng hạn dự kiến được gọi là “trễ tiến độ”.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng này cần hiệu chỉnh, chi tiết đến mức 3

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức đơn giản** làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức cơ bản** hay **nâng cao**;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở **mức nâng cao**, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
1	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ thú y	2	HK1		I	I	I					I											I	I					I				
2	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	3	HK1	I										I																	I		
3	78165	Anh văn cấp độ 1	3*	HK1		I							I	I																	I	I		
4	78171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3*	HK1		I							I	I																	I	I		
5	78177	Tiếng Đức cấp độ 1	3*	HK1		I							I	I																	I	I		
6	78520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	HK1			I	I					I	I	I																I	I		
7	76580	Giáo dục quốc	8*	HK1				I					I	I															I	I				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		phòng và an ninh																																
8	078946	Sinh hóa	2	HK2	I								I																			I		
9	078947	Animal Genetics	2	HK2	I													I													I			
10	78166	Anh văn cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
11	78172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
12	78178	Tiếng Đức cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
13	78518	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số - Cơ bản	2	HK2			I	I					I	I	I																	I	I	
14	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	HK2				I					I	I																		I	I	
15	075581	Kinh tế Chính trị	2	HK2				I					I	I																		I	I	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		Mác - Lê nin																																
16	078948	Sinh lý động vật 1	2	HK3					I				I																			I		
17	078951	Animal cellular and molecular biology	2	HK3	I														I													I		
18	078950	Cơ thể động vật đại cương	2	HK3	I				I				I						I		I											I		
19	78167	Anh văn cấp độ 3	3*	HK3		P							P	P																	P	P		
20	78173	Tiếng Nhật cấp độ 3	3*	HK3		P							P	P																	P	P		
21	78179	Tiếng Đức cấp độ 3	3*	HK3		P							P	P																	P	P		
22	78519	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số	2	HK3			I	I					I	I	I																I	I		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		- Nâng cao																																
23	75582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	HK3					I					I	I																I	I		
24	070023	Giáo dục thể chất	5*	HK3		I								I	I															I	I			
25	078949	Sinh lý động vật 2	2	HK4	I				I					I								I											I	
26	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	1	HK4					I												I		I										I	
27	078953	Cơ thể động vật so sánh	2	HK4	I				I					I						I			I								I			
28	78168	Anh văn cấp độ 4	3*	HK4		P								P	P																	P	P	
29	78174	Tiếng Nhật cấp độ 4	3*	HK4		P								P	P																	P	P	
30	78180	Tiếng Đức cấp độ 4	3*	HK4		P								P	P																	P	P	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
31	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	HK4				P					P	P																	P	P		
32	78516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	HK4			I	I					I	I	I																I	I	I	
33	73493	Tin học MOS 1 (Windows , Word)	2	HK4	I		I						I	I																	I	I		
34	078955	Vi sinh vật học	2	HK5	I									I																	I			
35	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	1	HK5	I														I												I			
36	078954	Mô phôi	3	HK5			I	I		I					I						I							I						
37	78169	Anh văn cấp độ 5	3*	HK5		P							P	P																	P	P		
38	78175	Tiếng Nhật cấp độ 5	3*	HK5		P							P	P																	P	P		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																														
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)			
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3	
39	78181	Tiếng Đức cấp độ 5	3*	HK5		P							P	P																	P	P			
40	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK5				P					P	P																	P	P			
41	070011	Pháp luật đại cương	2	HK5				I					I	I																I	I				
42	73494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2	HK5	I		I						I	I																		I	I		
43	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2	HK6		I											I																I		
44	078962	Chẩn đoán lâm sàng thú y	2	HK6			I			I						I				I		I											I	I	
45	078963	Chẩn đoán lâm sàng thú y	1	HK6						I									I		I													I	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		- Thực hành																																
46	078958	Vi sinh thú y	2	HK6							I	I		I																			I	
47	078959	Vi sinh thú y - Thực hành	1	HK6							I	I									I	I		I							I			
48	78170	Anh văn cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P																	P	P	
49	78176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P																	P	P	
50	78182	Tiếng Đức cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P																	P	P	
51	70796	Tư duy sáng tạo	2*	HK6			I	I						I	I	I																I	I	
52	78515	Tư duy phản biện	2*	HK6			I	I						I	I																	I		I
53	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa	2	HK7					I					I			I																	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		học trên động vật																																
54	078960	Dược lý thú y	3	HK7			I			I				I							I							I						
55	078961	Dược lý thú y - Thực hành	1	HK7			I										I				I							I						
56	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2*	HK7			I			I							I					I											I	
57	078968	Công nghệ sinh học động vật trong thú y	2*	HK7			I			I			I				I										I	I					I	
58	078965	Miễn dịch thú y	3	HK7	P					P				P							P											P		
59	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng thú y	2	HK7			P			P				P					P		P											P	P	
60	078969	Sinh lý bệnh thú y	2	HK8	P					P				P							P										P			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
61	078970	Giải phẫu bệnh thú y	2	HK8			P			P					P						P							P						
62	078971	Giải phẫu bệnh thú y - Thực hành	1	HK8						P								P			P								P					
63	078972	Kỹ sinh trùng thú y	3	HK8							P	P		P										P	P					P				
64	078973	Kỹ sinh trùng thú y - Thực hành	1	HK8								P	P						P					P	P					P				
65	078974	Dịch tễ học thú y	2	HK8		P		P				P					P							P	P					P				
66	078975	Luật thú y và phúc lợi động vật	2	HK8		P		P								P	P	P						P						P				
67	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3	HK9		P		P				P					P							P	P					P				
68	078977	Sản khoa	2	HK9	P				P							P								p									P	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
69	078978	Sản khoa - Thực hành	1	HK9					P										P			p										P		
70	078979	Bệnh nội khoa I	2	HK9	P					P				P								P										P		
71	078980	Bệnh nội khoa I - Thực hành	1	HK9						P									P		P											P		
72	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	3	HK9			P			P					P				P			P	P								P	P		
73	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2*	HK9			P			P					P							P									P			
74	078983	Công nghệ tế bào động vật trong thú y	2*	HK9			P					P				P										P	P		P					
75	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2	HK10				P					P		P								p				P		P					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
76	078986	Ngoại khoa 1	2	HK10	P					P						P							P									P		
77	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	HK10						P											P		P									P		
78	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3	HK10		P			P			P					P							P	P					P				
79	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2	HK10		P			P			P					P							P	P					P				
80	078984	Chăn nuôi gia súc	3	HK10			P			P						P				P			P	P								P	P	
81	078990	One health	2	HK11		P		P				P			P									P					P					
82	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2	HK11			P					P			P								P							P				
83	078992	Môi trường và	2	HK11			P			P					P								P							P				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		sức khỏe vật nuôi																																
84	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2	HK11			P					P																P		P				
85	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2	HK11			P		P										P											P				
86	078995	Chẩn đoán hình ảnh thú y	2	HK11			P			P									P													P		
87	078996	Ngoại khoa 2	2	HK11	P					P						P																P		
88	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	HK11						P												P											P	
89	078998	Bệnh nội khoa 2	2	HK11	P					P					P																		P	
90	078999	Dược liệu thú y	2	HK11			P							P	P													P	P		P			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
91	079000	Dược lâm sàng thú y	2	HK11				P		P					P						P							P						
92	079001	Hóa dược thú y	2	HK11	P						P			P								P						P						
93	079002	Hóa dược thú y - Thực hành	1	HK11	P													P				P						P						
94	079003	Bệnh cá	2	HK11	P							P		P								P							P					
95	079004	Bệnh cá - thực hành	1	HK11								P									P		P									P		
96	079005	Bệnh tôm	2	HK11	P							P		P								P							P					
97	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2	HK11			P					P		P								P										P		
98	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	2	HK11				P	P					P								P											P	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
99	079008	Ngoại khoa thú cưng	2	HK11			P		P						P							P										P		
100	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1	HK11					P										P			P										P		
101	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học thú y nâng cao	2	HK12			M			M			M								M										M			
102	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học thú y nâng cao - Thực hành	1	HK12						M									M		M										M			
103	079012	Độc chất học thú y	2	HK12				M	M			M		M					M				M						M					
104	079013	Ngoại khoa thú y	2	HK12			M		M						M							M										M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		chuyên sâu																																
105	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học thú y	1	HK12							M			M												M					M			
106	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1	HK12						M								M			M											M		
107	079016	Công nghệ vaccine	2	HK12			M			M				M								M						M						
108	079017	Công nghệ vaccine - Thực hành	1	HK12						M							M					M										M		
109	079018	Dược động học thú y ứng dụng	2	HK12	M					M						M						M										M		
110	079019	Thiết kế thuốc	2	HK12			M					M					M										M				M			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
111	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1	HK12							M						M									M				M				
112	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2	HK12			M		M							M						M						M						
113	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1	HK12			M				M		M								M										M			
114	079023	Dược thủy sản	2	HK12			M					M	M														M					M		
115	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2	HK12			M		M							M							M						M					
116	079026	Bệnh thú cưng	2	HK12	M					M							M				M											M		
117	079027	Thăm mý thú cưng	2	HK12		M			M							M							M									M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
118	079025	Tập tính học thú cưng	1	HK12		M			M					M									M									M		
119	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1	HK12					M								M					M									M			
120	079029	Thực tập trang trại heo	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
121	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
122	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
123	079032	Thực tập phòng khám thú y	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
124	079033	Thực tập trang trại	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
125	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
126	079038	Thực tập được thú y	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M	M	M	
127	079037	Thực tập kiểm nghiệm thú y	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M	M	M	
128	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M	M	M	
129	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7	HK14	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M	M	M	
130	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3	HK14	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M	M	M	

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần

4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

6. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh* (8* tín chỉ)

Học phần gồm 3 phần:

Phần I trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh; Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất và tính chất của chiến tranh, nắm được các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Phần II trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh

viên có niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học về quốc phòng, an ninh vào thực tiễn trong học tập và công tác.

Phần III trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuộc nỏ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tù người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK(CKC); Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

8. Giáo dục thể chất* (5* tín chỉ)

Học phần gồm 2 nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và đề tự vệ.

9. Anh văn cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

10. Anh văn cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC. nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

11. Anh văn cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

12. Anh văn cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

13. Anh văn cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 5 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1+ Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

14. Anh văn cấp độ 6 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 6 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1+ Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

15. Tiếng Nhật cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 1 (TN1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Nhật. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ N5 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

16. Tiếng Nhật cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 2 (TN2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ N5-N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

17. Tiếng Nhật cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 3 (TN3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

18. Tiếng Nhật cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 4 (TN4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 3. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N4-N3 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

19. Tiếng Nhật cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 5 (TN5) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 4. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N3 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ tương đối thành thạo.

20. Tiếng Nhật cấp độ 6 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 6 (TN6) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 5. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N3-N2 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ thành thạo.

21. Tiếng Đức Cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 1 (TD1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Đức. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ A1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

22. Tiếng Đức Cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 2 (TĐ2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ A1-A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

23. Tiếng Đức Cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 3 (TĐ3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

24. Tiếng Đức Cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 4 (TĐ4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 3. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ A2-B1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

25. Tiếng Đức Cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 5 (TĐ5) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 4. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ B1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ tương đối thành thạo.

26. Tiếng Đức Cấp độ 6 (3 tín chỉ)

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 6 (TD6) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 5. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ B1-B2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ thành thạo.

27. Tin học MOS 1 (Windows, Word) (2 tín chỉ)

Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

28. Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint) (2 tín chỉ)

Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về trang tính, số tính, nhập liệu, định dạng các kiểu dữ liệu, trình bày bảng tính; sử dụng công thức và hàm trong bảng tính; sắp xếp, trích lọc và tổ chức dữ liệu; chia sẻ tài liệu trên Microsoft Excel; học phần cũng đi vào các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức, sử dụng các đối tượng minh họa cũng như việc sử dụng các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint.

29. Tư duy phản biện (2 tín chỉ)

Là môn học trang bị cho sinh viên cách đánh giá thông tin, lập luận và tự đưa ra lập luận dựa trên các thông tin từ nguồn ý kiến đa dạng, trái chiều. Đây là kỹ năng cơ bản, giúp sinh viên xử lý các thông tin, lập luận, nghiên cứu một cách chính xác không những trong việc học tập tại trường mà còn trong đời sống công việc sau này. Trong suốt khóa học, học viên áp dụng lý thuyết giải quyết những vấn đề nhằm đưa ra những quyết định độc lập liên quan đến bản thân hoặc xã hội quan tâm nhất.

30. Tư duy sáng tạo (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tạo và đổi mới. Đặc biệt, khơi gợi và thúc đẩy tinh thần sáng tạo thông qua các phương pháp tư duy tích cực như Sacmper, phương pháp đối tượng tiêu điểm, phương pháp phân tích hình thái, các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo phổ biến trong phương pháp Triz. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức lý thuyết của môn học để giải quyết sáng tạo các bài toán đưa ra, hình thành kỹ năng giải quyết sáng tạo các vấn đề trong học tập, công việc và cuộc sống.

31. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (2 tín chỉ)

Học phần “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo” của NTTU không chỉ nhấn mạnh vào phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp mà còn nâng cao nhận thức về tác động xã hội và phát triển bền vững. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các khía cạnh quan trọng của khởi nghiệp, từ phát triển ý tưởng đến quản lý dự án và tiếp thị sản phẩm/dịch vụ, khuyến khích áp dụng những nguyên tắc xã hội và môi trường trong quá trình doanh nghiệp.

Nội dung học phần tập trung vào việc áp dụng tư duy sáng tạo để giải quyết không chỉ các vấn đề doanh nghiệp mà còn những thách thức xã hội và môi trường. Thông qua study case và dự án thực tế, sinh viên có cơ hội thực hành và xây dựng kỹ năng cần thiết không chỉ cho sự nghiệp mà còn để góp phần tạo ra giá trị xã hội và phát triển bền vững.

Mục tiêu của học phần là phát triển kỹ năng quản lý dự án, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, không chỉ để chuẩn bị cho sự nghiệp mà còn để hỗ trợ sinh viên trở thành những nhà lãnh đạo có tầm nhìn xã hội và cam kết với phát triển bền vững trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo.

32. Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần “Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số- cơ bản” nhằm trang bị và phát triển cho sinh viên những kỹ năng nền tảng cần thiết để thích ứng với các tác động của thời đại công nghệ số phát triển. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: nguyên lý giao tiếp trong kỷ nguyên số; kỹ năng xây dựng hình ảnh bản thân trong kỷ nguyên số; kỹ năng học tập hiệu quả trong kỷ nguyên số; kỹ năng hợp tác trong kỷ nguyên số; kỹ năng thích ứng và hội nhập trong kỷ nguyên số; kỹ năng thuyết trình.

33. Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao (2 tín chỉ)

Học phần “Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - nâng cao” nhằm trang bị và phát triển cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thích ứng với các tác động của thời đại công nghệ số phát triển. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: chiến lược quản trị cuộc đời, xây dựng hành trang tìm việc, kỹ năng quản lý cảm xúc trong giao tiếp và kỹ năng tư duy sáng tạo - những kỹ năng cốt lõi để thúc đẩy tính thích ứng hiệu quả với công việc và cuộc sống cho sinh viên trong kỷ nguyên số. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tìm hiểu hệ thống lý luận và thực hành các kỹ năng thông qua hệ thống các chuỗi hoạt động, tình huống và bài tập mà giảng viên cung cấp.

34. Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu tổng quan về Khung năng lực số; cung cấp cho sinh viên kỹ năng thu thập, phân tích, lưu trữ và đánh giá dữ liệu, tạo sản phẩm số, xây dựng nội dung số đặc thù trong hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên tiếp cận toàn diện của Ủy ban châu Âu từ 2005

với nhiều nghiên cứu, tài liệu và kết quả và nắm vững quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trình bày cách khai thác, tổ chức và quản lý tài nguyên Giáo dục Mở trong môi trường số, đảm bảo chất lượng truyền thông, mức độ an toàn; ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên ứng dụng năng lực số để tổ chức và quản lý tài nguyên Giáo dục Mở và sử dụng các công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội hiện nay.

2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến cơ sở ngành

35. Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y (2 tín chỉ)

Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y là học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về những công việc, những cơ sở mà bác sỹ Thú y có thể làm việc sau khi tốt nghiệp. Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về một số cơ sở liên quan đến nghề Thú y (Nhà máy thuốc Thú y, Trang trại chăn nuôi, Bệnh viện thú cưng, Khu bảo tồn động vật hoang dã, Viện chăn nuôi, Viện Thú y, Chi cục Thú y vùng, Chi cục chăn nuôi và Thú y tỉnh, Khu giết mổ tập trung...). Bên cạnh đó, học phần cũng sẽ giới thiệu đến sinh viên các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. Các kiến thức này giúp sinh viên hiểu hơn về nghề đã chọn, nhằm có định hướng tốt cho việc học tập và tương lai, đồng thời có một số kỹ năng cơ bản về giao tiếp, thuyết trình, làm báo cáo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể định hướng được vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, xác định được mục tiêu, phương pháp học tập để đạt hiệu quả cao hơn.

36. Hóa hữu cơ và phân tích (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hợp chất hữu cơ: danh pháp, lý tính, hóa tính, phương pháp điều chế và ứng dụng của chúng. Bên cạnh đó giúp sinh viên hiểu được cách tính toán cân bằng ion trong dung dịch như: cân bằng acid-bazo, cân bằng oxi hóa khử, cân bằng tạo phức, phương pháp phân tích thể tích, phương pháp phân tích khối lượng.

37. Sinh hóa (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản thành phần hóa học của cơ thể sống, từ đó hiểu rõ vai trò và chức năng sinh học của chúng đối với tế bào.

38. Animal cellular and molecular biology (2 tín chỉ)

Khóa học cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của các bào quan trong tế bào, quá trình phân chia tế bào, cũng như phản ứng của tế bào đối với các tín hiệu môi trường khác nhau và một số bệnh liên quan đến hoạt động bất thường của tế bào. Ở cấp độ phân tử, khóa học giúp sinh viên trình bày những khái niệm cơ bản về sinh học phân tử và

di truyền; các cơ chế phân tử về sự di truyền của prokaryote và eukaryote; và một cái nhìn tổng quan về một số kỹ thuật thao tác gen và ứng dụng chúng trong y học Thú y.

39. Animal Genetics (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Animal Genetics. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về di truyền học, cấu trúc gene, biểu hiện gene, các định luật di truyền, biến dị và di truyền. Sinh viên sẽ được học về các phương pháp nghiên cứu Animal Genetics, ứng dụng di truyền học trong việc nghiên cứu và phát triển các loài động vật, cũng như trong y học và nông nghiệp.

40. Vi sinh vật học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân loại các nhóm vi sinh vật dựa vào đặc điểm về hình thái, sinh lý, hiểu được quá trình sinh trưởng, phát triển, chuyển hóa vật chất và vai trò của vi sinh vật nhân chuẩn, vi sinh vật nhân sơ (Eukaryote and Prokaryote), virus trong đời sống.

41. Vi sinh vật học - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần thực hành Vi sinh vật học giúp sinh viên biết được các nguyên tắc an toàn khi thực hành trên đối tượng vi sinh, thực hiện được các thao tác cơ bản trong nghiên cứu vi sinh vật.

42. Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật (2 tín chỉ)

Học phần khái quát hóa về nghiên cứu khoa học, thống kê cơ bản và ứng dụng trong điều tra khảo sát. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về cấu trúc của một đề cương nghiên cứu, cấu trúc của một báo cáo khoa học, cấu trúc của một bài báo khoa học; đồng thời phân biệt sự khác nhau và giống nhau trong cấu trúc của 3 nội dung này. Sinh viên hiểu được các vấn đề của từng phần trong cấu trúc để từ đó có thể vận dụng viết đề cương và một bài báo khoa học, đồng thời có khả năng tự viết báo cáo khoa học sau này. Học phần cũng cung cấp các công cụ hỗ trợ viết như phần mềm để trích dẫn tài liệu tham khảo và lưu trữ thư viện tài liệu; các công cụ tạo mục lục tự động và định dạng chỉnh sửa bài viết, hình ảnh cùng các kỹ năng vẽ đồ thị minh họa cho báo cáo.

43. Sinh lý động vật 1 (2 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật 1 cung cấp kiến thức cho sinh viên về cách cơ thể động vật phản ứng với môi trường và cách cơ thể duy trì sự ổn định nội môi, các kiến thức cơ bản về tế bào thần kinh và hệ thần kinh, cơ quan tiếp nhận (receptors) và cơ quan phản ứng lại kích thích (effectors), sinh lý nội tiết, sinh lý hô hấp.

44. Sinh lý động vật 2 (2 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật 2 tiếp nối học phần sinh lý động vật 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về quá trình điều hòa thân nhiệt ở động vật, sinh lý hệ tuần hoàn, quá trình điều hòa thẩm thấu, cơ chế bài tiết, sinh lý sinh sản.

45. Sinh lý động vật - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật – Thực hành giúp cho sinh viên có cơ hội vận dụng các kiến thức đã học của các học phần lý thuyết sinh lý động vật 1, 2 thông qua các bài thực hành về sinh lý nội tiết, dòng điện sinh học, thần kinh cơ, thần kinh trung ương cấp cao và ứng dụng trong thành lập phản xạ có điều kiện ở chó nghiệp vụ, xác định một số chỉ tiêu sinh lý máu, xác định một số chỉ tiêu sinh lý hô hấp, tuần hoàn và các phương pháp nghiên cứu sinh lý tiêu hóa. Học phần cũng giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

46. Cơ thể động vật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Cơ thể động vật đại cương cung cấp cho sinh viên ngành Thú y kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, thực hiện được thao tác tiêu chuẩn, mổ khám sát cơ thể. Khám sát hệ thống vận động, hệ thống hô hấp, hệ thống tiêu hóa, hệ thống sinh dục và hệ tiết niệu. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, quy trình xử lý mẫu formol bảo quản trong nghiên cứu và học tập cơ thể học, mổ phơi bày và khám sát từng phần cấu trúc của các hệ thống trên các nhóm loài động vật, nguyên tắc mổ khám khám sát trên gia súc, gia cầm, một số nguyên tắc chung khi tiếp cận, cầm cột và cố định gia súc, gia cầm. Ngoài ra, học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trong mổ khám sát hệ vận động: hệ xương, hệ khớp, hệ cơ trên gia súc, gia cầm.

47. Mô phôi (3 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào mô tả trạng thái bình thường về cấu tạo vi thể, chức năng của các tổ chức, mô bào, tế bào cơ thể động vật; tổ chức liên kết, biểu mô, tổ chức tiêu hóa, hô hấp, thần kinh, mạch máu, huyết học, tiết niệu sinh dục; Nội dung học phần là cơ sở để học viên vận dụng vào chuyên khoa trong lĩnh vực Thú y.

48. Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm (3 tín chỉ)

Môn học bao gồm Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm. Trong đó, chăn nuôi mô tả khía cạnh quan trọng của chăn nuôi động vật như gia súc, gia cầm, thủy sản và thú nhỏ. Nội dung bao gồm chọn giống, quản lý đàn và kỹ thuật nuôi. Sinh viên cũng được giới thiệu về các vấn đề hiện đại trong chăn nuôi như bền vững môi trường, đạo đức động vật và an toàn thực

phẩm. Bệnh dinh dưỡng động vật mô tả yếu tố dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển và duy trì sức khỏe của động vật, bao gồm vi chất dinh dưỡng, khoáng chất, và nguồn cung cấp năng lượng. Nội dung môn học bao gồm cả phân tích và đánh giá dinh dưỡng, cũng như cách xử lý các vấn đề dinh dưỡng phổ biến như béo phì, suy dinh dưỡng, và rối loạn tiêu hóa. Sinh viên cũng được giới thiệu với các phương pháp dinh dưỡng tiên tiến và ứng dụng trong việc cải thiện sức khỏe và hiệu suất của động vật nuôi. Học phần cung cấp kiến thức thực tế trong quá trình tạo ra các sản phẩm thức ăn chăn nuôi cũng như các chế phẩm vi sinh hỗ trợ tiêu hóa, phòng bệnh.

49. Miễn dịch Thú y (3 tín chỉ)

Môn học Miễn dịch Thú y được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết toàn diện về hệ thống miễn dịch của động vật và vai trò của nó trong việc bảo vệ cơ thể động vật khỏi các bệnh truyền nhiễm và các mối đe dọa khác. Môn học thường bao gồm các chủ đề như cấu trúc và chức năng của hệ thống miễn dịch, cơ chế miễn dịch của bệnh, phản ứng miễn dịch đối với mầm bệnh, và sự phát triển của các liệu pháp miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh trên động vật. Ngoài các khái niệm lý thuyết, môn học miễn dịch sẽ kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết với những ứng dụng của các liệu pháp miễn dịch có trên thị trường. Đồng thời thảo luận về những hướng nghiên cứu hiện tại và xu hướng phát triển tương lai của lĩnh vực miễn dịch trong chăn nuôi Thú y.

50. Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và tham số cơ bản trong thống kê sinh học; Phương pháp thiết kế và bố trí thí nghiệm trong chăn nuôi; Phương pháp điều tra, khảo sát, chọn mẫu, xác định dung lượng mẫu, xử lý số liệu các loại thí nghiệm và đánh giá kết quả.

51. Dịch tễ học Thú y (2 tín chỉ)

Môn học tập trung vào việc nghiên cứu, kiểm soát, và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm ở động vật. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các nguyên tắc để xác định tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố nguy cơ của bệnh, đánh giá nguyên nhân gây bệnh, và phòng ngừa, kiểm soát bệnh tật trên động vật.

52. Giống và chọn giống vật nuôi (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào các phương pháp lựa chọn giống vật nuôi hiệu quả. Trong đó, sinh viên được học về các yếu tố quan trọng trong chọn giống bao gồm gen, dòng giống, và phẩm chất dòng. Qua khóa học sinh viên có khả năng phân tích thông tin gen đến quản lý chất lượng giống trong quá trình nuôi. Thông qua hình thức thảo luận nhóm, sinh viên phát

triển kỹ năng lựa chọn giống phù hợp và nắm vững kiến thức để áp dụng trong ngành chăn nuôi.

53. Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các ứng dụng và thành tựu của công nghệ sinh học động vật trong Thú y. Các kỹ thuật công nghệ sinh học tiên tiến ứng dụng trong Thú y bao gồm các kỹ thuật nuôi cấy và phân lập tế bào, kỹ thuật lai tạo giống và bảo vệ nguồn giống. Từ đó, sinh viên nắm bắt được khả năng ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong Thú y.

54. Kỹ thuật xét nghiệm phân tử (2 tín chỉ)

Môn học "Kỹ thuật xét nghiệm phân tử" được thiết kế để cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc, kỹ thuật và ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh động vật. Nội dung học phần giới thiệu các kỹ thuật chẩn đoán phân tử khác nhau được sử dụng để phát hiện và phân tích nucleic acid, protein và các dấu hiệu phân tử khác liên quan đến tác nhân gây bệnh và bệnh di truyền ở động vật. Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các xét nghiệm trong phòng xét nghiệm lâm sàng, tổ chức nghiên cứu và phòng khám bệnh động vật.

55. Công nghệ tế bào động vật trong Thú y (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ tế bào động vật nói chung, quá trình biến dưỡng trong nuôi cấy, các hình thức nuôi cấy và liệu pháp tế bào. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong công nghệ tế bào, nuôi cấy tế bào.

2.6.3 Các học phần thuộc khối kiến ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi ngành

56. Vi sinh Thú y (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và phổ quát về các nhóm vi sinh vật phổ biến trên động vật trên thế giới cũng như tại Việt Nam, cùng kiến thức chuyên sâu tập trung giới thiệu các vi sinh vật gây bệnh và các vi sinh vật có ảnh hưởng tới sức khỏe của vật chủ. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức về cấu tạo, di truyền, đặc điểm sinh trưởng, con đường gây bệnh, biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm do vi sinh vật gây ra trên động vật. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về tương tác miễn dịch của vật chủ với vi sinh vật, phương pháp chẩn đoán, chữa trị, các mô hình dịch tễ động vật và kiểm soát bệnh dịch. Thông qua các nội dung giảng dạy mang tính ứng dụng, sinh viên sẽ được trang bị năng lực nền tảng cho khả năng hiểu mối liên hệ giữa vi sinh vật và động vật trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm. Đồng thời, các cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu trên đối tượng vi sinh vật sẽ được giới thiệu để sinh viên trang bị kỹ năng học tập, nâng cao năng lực chuyên môn suốt đời sau khi hoàn thành môn học

57. Vi sinh Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành vi sinh vật trên đối tượng động vật, bao gồm các kỹ năng phân lập, nuôi cấy, xác định các đặc tính hóa - sinh, vi sinh của các nhóm vi sinh vật. Ngoài các kỹ năng vi sinh, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng hỗ trợ của chuyên ngành khác như huyết thanh học, sinh học phân tử, hóa sinh nhằm phục vụ việc nghiên cứu, chẩn đoán vi sinh Thú y.

58. Dược lý Thú y (3 tín chỉ)

Học phần dược lý Thú y cung cấp kiến thức về các nhóm thuốc tác động lên các hệ cơ quan trong cơ thể và các tác nhân gây bệnh lây nhiễm thường gặp ở động vật. Môn học này tập trung vào sự tác động qua lại giữa thuốc và cơ thể, với 3 nội dung dược động học, dược lực học, và tương tác thuốc trên đối tượng động vật. Người học sẽ được trang bị kiến thức về đặc điểm trị liệu của thuốc và vai trò của thuốc trong các lĩnh vực chẩn đoán, phòng ngừa, và điều trị bệnh ở vật nuôi.

59. Dược lý Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành dược lý trên đối tượng động vật, bao gồm các kỹ năng quan sát, tính toán, và cấp thuốc. Ngoài các kỹ năng dược lý, sinh viên còn được ôn tập và phối hợp các kỹ năng hỗ trợ của chuyên ngành khác nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, chẩn đoán, và điều trị cho động vật.

60. Ký sinh trùng Thú y (3 tín chỉ)

Môn học về ký sinh trùng trong Thú y nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên để hiểu và xử lý các vấn đề liên quan đến ký sinh trùng trong các loài động vật nuôi. Giới thiệu về ký sinh trùng: Bao gồm cấu trúc, chu kỳ phát triển, và phân loại của các loại ký sinh trùng phổ biến gặp trong Thú y. Chẩn đoán và phân loại: Phương pháp chẩn đoán sự nhiễm ký sinh trùng và phân loại chúng dựa trên các đặc điểm sinh học và hình thái. Biện pháp kiểm soát và phòng tránh: Các biện pháp phòng tránh sự lây lan của ký sinh trùng và cách kiểm soát nhiễm trùng trong các đàn thú. Điều trị và quản lý: Phương pháp điều trị các loại ký sinh trùng, cũng như quản lý bệnh trong các động vật bị nhiễm.

61. Ký sinh trùng Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn học thực hành về ký sinh trùng trong Thú y nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên để hiểu và xử lý các vấn đề liên quan đến ký sinh trùng trong các loài động vật nuôi. Sau môn học, sinh viên có thể nhận dạng được một số loài giun sán, sán lá, sán dây ký sinh phổ biến trên động vật.

62. Sinh lý bệnh Thú y (2 tín chỉ)

Môn sinh lý bệnh Thú y là một môn học cơ sở cung cấp các kiến thức cơ bản ban đầu về lĩnh vực Thú y. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các thông tin như khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, một số rối loạn bệnh lý cơ quan như rối loạn tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa; hiện tượng rối loạn điều hòa thân nhiệt, hiện tượng viêm... Các kiến thức này sẽ được sinh viên vận dụng để tiếp tục học các môn học chuyên ngành.

63. Giải phẫu bệnh Thú y (2 tín chỉ)

Giải phẫu bệnh là học phần nghiên cứu những biến đổi về hình thái cấu trúc ở một cơ quan hay cơ thể bệnh trên hai mặt đại thể và vi thể (hình dáng, kích thước, màu sắc,...). Học phần không chỉ dừng lại ở việc quan sát mô tả đơn thuần mà còn dựa trên các dữ kiện đã thu được đó để tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Bên cạnh đó, học phần Giải phẫu bệnh Thú y cần sẽ giúp sinh viên có những kiến thức trong tổng hợp, phân tích và chẩn đoán bệnh một cách chính xác.

64. Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong nhận dạng các bệnh tích vi thể của tế bào, mô bào từ bệnh phẩm của vật bệnh.

65. Cơ thể động vật so sánh (2 tín chỉ)

Học phần Cơ thể học động vật so sánh trang bị cho sinh viên kiến thức về sự tương đồng và khác biệt trong cấu trúc và chức năng của các hệ cơ quan chính trên các nhóm động vật có xương sống và không xương sống. Sinh viên sẽ được giới thiệu về sự đa dạng và thích nghi của hệ xương, cơ, da, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, sinh sản và thần kinh trên các nhóm động vật khác nhau. Môn học cũng đề cập đến ý nghĩa lâm sàng của các biến thể giải phẫu trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở động vật, cung cấp nền tảng vững chắc cho sinh viên trong thực hành thú y.

Học phần Cơ thể động vật so sánh – Thực hành giúp sinh viên làm quen với các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu thực tế về cơ thể học của các loài động vật khác nhau. Sinh viên sẽ được thực hành quan sát, phân tích và so sánh cấu trúc giải phẫu của các hệ cơ quan chính trên mô hình và mẫu vật sống. Các bài thực hành cũng tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng nhận diện và mô tả các biến thể giải phẫu, đồng thời ứng dụng kiến thức cơ thể học vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe động vật. Thông qua các bài thực hành, sinh viên sẽ phát triển tư duy phản biện, kỹ năng quan sát và thao tác, cũng như khả năng làm việc nhóm trong môi trường thực tế.

66. Bệnh nội khoa 1 (2 tín chỉ)

Học phần đề cập tới khái niệm về bệnh, khái niệm môn học-nhiệm vụ của môn học, sự khác nhau giữa bệnh nội khoa và bệnh truyền nhiễm. Đại cương về điều trị học, các phương pháp điều trị bổ sung (truyền dịch và truyền máu). Học phần nêu rõ phương pháp điều trị bệnh bằng kích thích phi đặc hiệu, dùng thuốc chữa bệnh cho vật nuôi. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về đại cương học bệnh nội khoa đồng thời người học biết được cơ chế sinh bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh một số bệnh cho gia súc.

67. Bệnh nội khoa 1 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên thực hiện các thao tác, kỹ năng trong điều trị bệnh cho vật nuôi như các kỹ thuật cấp thuốc, thực hiện các liệu pháp trong điều trị bệnh cho vật nuôi.

68. Sản khoa (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên những kiến thức về: Hiện tượng có thai, những yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể gia súc có thai, thời gian mang thai, quá trình hình thành phát triển của bào thai qua các giai đoạn, những biến đổi sinh lý của cơ thể gia súc khi có thai, trên cơ sở đó thực hiện các phương pháp chẩn đoán gia súc có thai. Những biểu hiện của gia súc trong thời gian gần đẻ, các yếu tố thúc đẩy quá trình sinh đẻ và phương pháp đỡ đẻ cho gia súc. Đồng thời, học phần này cũng sẽ trang bị về những bệnh trong thời gian đẻ, bệnh ở gia súc sau đẻ, bệnh ở tuyến vú, hiện tượng đẻ khó, các bước kiểm tra, can thiệp đẻ khó và phương pháp can thiệp trong các trường hợp đẻ khó.

69. Sản khoa - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần hướng dẫn dẫn sinh viên các kỹ thuật trong chăm sóc, đỡ đẻ và quản lý sinh sản cho gia súc. Học phần cũng hỗ trợ sinh viên trong thực hiện việc điều trị ngoại khoa trên vật nuôi như can thiệp các trường hợp đẻ khó, chẩn đoán và trị bệnh trên gia súc sau đẻ.

70. Ngoại khoa 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp cố định động vật, đề phòng nhiễm trùng ngoại khoa, gây tê, gây mê, đề phòng mất máu nhiều khi phẫu thuật, kết nối mô bào, băng bó và một số phẫu thuật thường gặp ở vùng đầu, chi, đuôi, bụng và niệu sinh dục của động vật. Ngoài ra, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các dạng chấn thương và những bệnh lý phải điều trị bằng liệu pháp ngoại khoa.

71. Ngoại khoa 1 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên thực hiện phẫu thuật ngoại khoa tương ứng, từ đó rèn luyện tâm lý vững vàng khi thực hiện một phẫu thuật cho động vật. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong thực hiện việc điều trị ngoại khoa trên vật nuôi như chẩn đoán và trị bệnh trên gia súc.

72. Chăn nuôi gia súc (3 tín chỉ)

Môn học được chia thành nhiều phần. Trong đó, phần 1 giới thiệu cho sinh viên biết được tình hình chăn nuôi gia súc trên thế giới và Việt Nam. Sau đó, học phần mô tả sơ lược đến sinh viên các giống gia súc được chăn nuôi tại Việt Nam và một số giống nổi bật trên thế giới. Phần 3, sinh viên được học về nhu cầu dinh dưỡng của các loài khác nhau, cách thiết kế chuồng trại, công tác vận hành và chăm sóc sức khỏe gia súc.

73. Bệnh truyền nhiễm chung (3 tín chỉ)

Học phần Bệnh truyền nhiễm chung là học phần cung cấp những kiến thức về các bệnh chung xảy ra trên nhiều loài vật nuôi và xảy ra cả trên người. Học phần sẽ làm rõ về nguyên nhân, dịch tễ, phương thức truyền lây, các phương pháp chẩn đoán, phòng và trị bệnh trên cả vật nuôi và người, đặc biệt trên chó, mèo. Các bệnh gây nên bởi virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập phòng khám, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm chó, mèo.

74. Bệnh truyền nhiễm trên gia súc (3 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên hiểu biết được nguyên nhân, đặc điểm dịch tễ, cách chẩn đoán, biện pháp phòng trị các bệnh truyền nhiễm trên gia súc nhai lại và trên heo. Các bệnh gây nên bởi virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập trang trại, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm gia súc.

75. Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên hiểu biết được nguyên nhân, đặc điểm dịch tễ, cách chẩn đoán, biện pháp phòng trị các bệnh truyền nhiễm trên gia cầm. Các bệnh gây nên bởi virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập trang trại, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm gia cầm.

76. Kiểm nghiệm thú sản (2 tín chỉ)

Môn học mô tả các phương pháp công nghệ sinh học và ứng dụng của chúng trong lĩnh vực kiểm nghiệm thú sản. Sinh viên học về các kỹ thuật CNSH tiên tiến bao gồm PCR, western blotting, ELISA và sequencing DNA để phát hiện và xác định các loại vi khuẩn, virus và

chất gây bệnh khác trong sản phẩm Thú y. Ngoài ra sinh viên còn được học về các quy trình kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm.

77. Luật Thú y và phúc lợi động vật (2 tín chỉ)

Khóa học tập trung vào việc nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực Thú y và bảo vệ phúc lợi động vật. Trong khóa học này, sinh viên sẽ được giới thiệu về các nguyên tắc cơ bản của luật Thú y, bao gồm cả quản lý, điều chỉnh và bảo vệ sức khỏe của động vật tại Việt Nam và quốc tế. Đồng thời môn học cũng nhấn mạnh vào việc hiểu biết về các vấn đề liên quan đến phúc lợi động vật, bao gồm cách thức nuôi trồng và chăm sóc động vật một cách đúng đắn và nhân văn. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các quy định và luật pháp về đối xử với động vật, cũng như những cam kết quốc tế về bảo vệ và chăm sóc động vật nuôi và động vật hoang dã.

78. Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần chẩn đoán cận lâm sàng thú y giúp sinh viên hiểu về các phương pháp chẩn đoán bệnh lý ở động vật, từ việc lấy mẫu, xác định triệu chứng, đến sử dụng các phương pháp xét nghiệm và hình ảnh để đưa ra kết luận chẩn đoán. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích dữ liệu và thông tin từ các kết quả xét nghiệm để đưa ra phác đồ điều trị phù hợp cho động vật bị bệnh. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên hiểu về các nguyên tắc cơ bản của chẩn đoán cận lâm sàng và áp dụng chúng vào thực tế trong công việc thú y.

Thực hành giúp sinh viên hiểu về các nguyên tắc cơ bản của chẩn đoán cận lâm sàng và áp dụng chúng vào thực tế trong công việc thú y. Sinh viên được thực hành phương pháp cố định gia súc, sinh thiết, lấy máu xét nghiệm các kỹ thuật chẩn đoán cận lâm sàng: phương pháp siêu âm, phương pháp PCR, phương pháp chụp X-quang...

79. Chẩn đoán lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên về các khái niệm, phân loại triệu chứng, bệnh tích trên cơ thể vật bệnh. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp các phương pháp khám bệnh để phục vụ cho việc thu thập, nhận xét, đánh giá triệu chứng đi đến kết luận chẩn đoán bệnh, định tiên lượng lâm cơ sở cho việc đề ra biện pháp điều trị và phòng bệnh hiệu quả.

80. Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ giúp sinh viên thực hiện các thao tác khám bệnh, mổ khám bệnh tích trên cơ thể vật bệnh, từ đó sẽ thành thạo các kỹ năng trong việc khám, thu thập triệu chứng bệnh tích trên các cơ quan, hệ thống cơ quan của cơ thể bệnh

81. Hỗ trợ sinh sản vật nuôi (2 tín chỉ)

Sinh sản vật nuôi là quá trình quan trọng trong việc duy trì và phát triển ngành chăn nuôi. Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ về quá trình sinh sản của các loài vật nuôi, cách thức phối giống, quản lý sinh sản và chăm sóc con non. Sinh viên sẽ học được các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản và cách giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình sinh sản và nuôi dưỡng vật nuôi và các công nghệ - kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vật nuôi. Môn học này cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nuôi trồng để tối ưu hóa hiệu suất sản xuất và chất lượng sản phẩm.

82. One health (2 tín chỉ)

Khóa học tích hợp góc nhìn về sức khỏe con người, động vật, và môi trường để chung tay giải quyết những thách thức về sức khỏe toàn cầu. Sinh viên được học sinh thái bệnh, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe. Sinh viên được thảo luận các chính sách y tế cộng đồng, nghiên cứu đa ngành, và những vấn đề liên quan đạo đức. Các trường hợp nghiên cứu và trải nghiệm thực tế tăng cường hiểu biết về các nguyên tắc One Health trong thực tế. Đặc biệt, tập trung vào các phương pháp cộng tác, chuẩn bị để đối mặt với các bệnh truyền nhiễm mới nổi, đe dọa môi trường, và thúc đẩy công bằng sức khỏe. Qua khóa học này, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp vào việc cải thiện sức khỏe của cả cộng đồng và hệ sinh thái một cách toàn diện và kết nối.

83. Môi trường và sức khỏe vật nuôi (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ứng dụng Công nghệ Sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi; các công cụ, mô hình, phương pháp và hệ thống xử lý chất thải. Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng hay hưởng đến quá trình xử lý chất thải, vai trò của vi sinh vật, thực vật... trong xử lý chất thải.

84. Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hiểu biết về đặc điểm, cấu tạo, tính chất vật lý, những biến đổi sinh lý, sinh hóa của nông sản. Nắm được các phương pháp bảo quản nhằm duy trì chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản nông sản, đồng thời nắm được các kỹ thuật chế biến trên từng dạng nông sản sau thu hoạch. Bên cạnh đó, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các thống quản lý, kiểm tra chất lượng thực phẩm. Đồng thời, sinh viên cũng được cung cấp thêm kiến thức về sản xuất sạch hơn và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông sản sạch hơn nhằm đảm bảo an toàn cho người sản xuất, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu của nhà phân phối và bảo vệ được môi trường.

85. Chăn nuôi công nghệ cao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chăn nuôi, các mô hình, hệ thống chăn nuôi công nghệ cao như mô hình cơ giới hóa quá trình chăn nuôi, công nghệ tự động hóa: cho ăn, tắm mát, vệ sinh chuồng trại... những công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

86. Chẩn đoán hình ảnh Thú y (2 tín chỉ)

Học phần mô tả các phương pháp chẩn đoán hình ảnh từ khái niệm, quy tắc tạo ảnh và ứng dụng của chúng trong chẩn đoán bệnh trong Thú y. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh được giới thiệu trong chương trình bao gồm chẩn đoán cộng hưởng từ hạt nhân, siêu âm, chụp X-quang, chụp CT cắt lớp và nội soi. Từ đó, giúp sinh viên nhận biết được các loại hình ảnh, và ứng dụng của chúng trong chẩn đoán bệnh.

87. Ngoại khoa 2 (2 tín chỉ)

Tiếp tục học phần ngoại khoa 1. Học phần này tập trung vào các bệnh ngoại khoa phải thực hiện phẫu thuật lớn, phức tạp.

88. Ngoại khoa 2 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kỹ thuật liên quan đến các bệnh ngoại khoa phải thực hiện phẫu thuật lớn, phức tạp.

89. Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức về những tổn thương của các cơ quan, hệ thống cơ quan như hệ thống tuần hoàn, hệ thống tiêu hóa, hệ thống hô hấp,... những tổn thương trong các bệnh lý do vi khuẩn, virus gây ra. Đồng thời sinh viên sẽ được trang bị các sinh lý bệnh trong quá trình điều hòa các phản ứng trong cơ thể bệnh,...

90. Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ cho sinh viên trực tiếp thực hiện việc nhận biết những bệnh lý ở cấp độ vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan.

91. Độc chất học Thú y (2 tín chỉ)

Trong môn học “Độc chất học Thú y”, sinh viên sẽ được hướng dẫn về nguyên tắc cơ bản của độc chất học, tìm hiểu các loại chất độc thường gặp trong môi trường sống của động vật như hóa chất, thuốc trừ sâu, kim loại nặng và các độc tố từ thực phẩm. Sinh viên cũng được đào tạo về cách thức kiểm tra và đo lường nồng độ chất độc trong cơ thể động vật, cũng như các phương pháp điều trị và phòng ngừa. Đồng thời giới thiệu sơ lược các nghiên cứu khoa học về độc chất học Thú y.

92. Bệnh nội khoa 2 (2 tín chỉ)

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Học phần cung cấp kiến thức về các bệnh xảy ra ở các cơ quan trong cơ thể: ở hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, hệ bài tiết. Học phần hướng dẫn cho người học biết đặc điểm của bệnh, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.

93. Ngoại khoa Thú y chuyên sâu (2 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp kiến thức và mở rộng kỹ năng phẫu thuật trên nhiều cơ quan tổ chức cho vật nuôi, đồng thời cung cấp cho người học kiến thức là cơ sở lý luận phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa cho vật nuôi. Học phần mở rộng kiến thức phẫu thuật vùng đầu, chi, đuôi, bụng và niệu sinh dục của động vật. Học phần cung cấp cho người học kiến thức là cơ sở lý luận cho việc chẩn đoán và điều trị chấn thương; nhiễm trùng ngoại khoa; tổn thương cơ giới; hoại tử, hoại thư... Học phần này hướng dẫn sinh viên các phương pháp xử lý các trường hợp phẫu thuật ngoại khoa như mổ lấy thai, nhãn khoa, các can thiệp chuyên sâu trong cố định xương gãy, các kỹ thuật khoan, nẹp xương.

94. Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y (1 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng trong nghiên cứu bằng việc vận dụng, tổng hợp các kiến thức liên quan một cách khoa học thông qua thực hiện và trình bày một chuyên đề nghiên cứu nhằm giải quyết một vấn đề bệnh lý trong lĩnh vực Thú y.

95. Bệnh nội khoa 2 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện các kỹ thuật trong xử lý các tình huống bệnh nội khoa trên các hệ thống cơ quan của vật nuôi.

96. Dược liệu Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản thu hái, sơ chế, bảo quản dược liệu và các nhóm hợp chất tự nhiên trong dược liệu nhằm ứng dụng sản xuất dược liệu Thú y.

97. Dược lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào việc tối ưu sử dụng thuốc theo các nguyên tắc của y học chứng cứ. Người học sẽ được cung cấp các kiến thức và kỹ năng về lựa chọn, sử dụng và quản lý thuốc trong lâm sàng thú y. Các nội dung chính của học phần bao gồm các phản ứng có hại, thông tin thuốc thú y, kiểm soát tình trạng kháng kháng sinh, tương tác thuốc, tối ưu chế độ điều trị theo dược động học, và các nguyên tắc xây dựng và thực hiện phác đồ phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

98. Hóa dược Thú y (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các kiến thức về cấu trúc hóa học của các loại dược phẩm. Sinh viên sẽ học về cấu trúc và tính chất của các hợp chất hóa học được sử dụng trong sản xuất thuốc, cũng như quá trình tổng hợp và phân tích chất lượng thuốc.

99. Hóa dược Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên tham gia vào việc thiết kế và phát triển các dạng liều lượng thuốc đến quy trình kiểm tra chất lượng và an toàn của chúng. Sinh viên cũng có cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu để áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp trong ngành dược phẩm.

100. Dược động học Thú y ứng dụng (2 tín chỉ)

Môn học tập trung vào áp dụng các nguyên tắc dược động học lâm sàng vào điều trị bệnh cho vật nuôi. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, và thải trừ, từ đó hướng tới việc tối ưu chế độ dùng thuốc cho các nhóm vật nuôi khác nhau.

101. Công nghệ vaccine (2 tín chỉ)

Virus học là một ngành khoa học nghiên cứu vi-rút, thực thể kí sinh với vật chất di truyền là DNA hoặc RNA được bọc trong vỏ là protein và các tác nhân giống như vi-rút. Học phần giúp hiểu rõ hơn về cấu trúc, phân loại và tiến hóa của chúng, cách lây nhiễm và khai thác các tế bào chủ để sinh sản, sự tương tác của chúng với sinh lý của vật chủ và miễn dịch, các bệnh gây ra, các kỹ thuật phân lập và nuôi cấy chúng. Sự kết hợp những kiến thức trên với kỹ thuật tiên tiến điều chế vắc-xin để tạo ra sản phẩm vắc-xin cho phòng ngừa bệnh cho động vật.

102. Công nghệ vaccine - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức và thực hành kỹ năng thực tế về quy trình phân lập virus, thiết kế, sản xuất và thử nghiệm các loại vaccine thế hệ mới.

103. Thiết kế thuốc (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến thiết kế các phân tử tiềm năng cho việc phát triển thuốc thông qua mô phỏng máy tính, sử dụng các công cụ phần mềm, chương trình phổ biến. Sinh viên nhận biết được ý nghĩa của sự hỗ trợ công cụ tin sinh trong quá trình phát triển thuốc.

104. Chiết xuất dược liệu - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng về thực hiện được một số phản ứng định tính sơ bộ những dược liệu thông dụng, một số quy trình chiết xuất dược liệu, sản xuất thuốc từ dược liệu.

105. Chẩn đoán bệnh thủy sản (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về phương pháp chẩn đoán bệnh động vật thủy sản. Nội dung của học phần bao gồm chẩn đoán bệnh thông qua quan sát lâm sàng kết hợp với các phân tích để đưa ra kết luận; điều tra hiện trường và tìm hiểu những tác động, mối nguy của các yếu tố môi trường; kết hợp nhiều phương pháp khác nhau để đảm bảo độ chính xác cao của kết quả chẩn đoán bệnh. Sinh viên học môn này sẽ được tìm hiểu về các phương pháp chẩn đoán bệnh trên đối tượng thủy sản từ truyền thống đến hiện đại.

106. Bệnh cá (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các bệnh lý ảnh hưởng đến cá trong ngành nuôi cá và thủy sản. Nội dung của môn bao gồm các khái niệm cơ bản về bệnh học, bao gồm nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng tránh và điều trị các bệnh lý phổ biến ở cá. Sinh viên học môn này sẽ được tìm hiểu về các loại vi khuẩn, vi rút, nấm và các yếu tố môi trường gây ra bệnh cho cá, cũng như các phương pháp chẩn đoán và điều trị hiện đại để kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của các bệnh này trong các khu vực nuôi cá.

107. Bệnh cá - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn Bệnh cá thực hành trung vào áp dụng kiến thức về bệnh học cá vào thực tế, giúp sinh viên phát triển kỹ năng cần thiết để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cá trong ngành thủy sản. (1) Điều tra, chẩn đoán và đánh giá tình trạng sức khỏe của cá: Sinh viên học cách nhận biết các triệu chứng bệnh lý ở cá, thực hiện các kỹ thuật kiểm tra sức khỏe và lấy mẫu để phân tích. (2) Phòng chống bệnh: Bao gồm các phương pháp phòng tránh và kiểm soát sự lây lan của các bệnh lý trong các hệ thống nuôi cá, bao gồm các biện pháp vệ sinh và quản lý môi trường. (3) Điều trị: Sinh viên học cách áp dụng các phương pháp điều trị như sử dụng thuốc trị bệnh, liệu pháp nhiệt đới, và các biện pháp hỗ trợ khác để chữa trị các bệnh lý ở cá. (4) Quản lý sức khỏe và nuôi trồng cá: Sinh viên được hướng dẫn về cách quản lý chất lượng nước, dinh dưỡng và môi trường nuôi trồng để giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh cho cá.

108. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho người học kiến thức về các giải pháp, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, nhằm thúc đẩy phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy sản nước ngọt chủ lực của nước ta theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sinh

viên được trang bị thêm kiến thức liên quan đến các ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ sinh học, công nghệ gen, ...) trong việc chọn tạo con giống nâng cao năng suất, hiệu quả các mô hình nuôi; quản lý môi trường và dịch bệnh cho các đối tượng thủy sản.

109. Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần Chẩn đoán bệnh thủy sản- Thực hành giúp sinh viên nhận biết được dấu bệnh bên ngoài và bên trong cơ thể động vật thủy sản. Phân lập được tác nhân gây bệnh bằng kỹ thuật vi sinh và sinh học phân tử. Phân tích được kết quả thu được và đưa ra phương pháp điều trị và phòng bệnh hiệu quả.

110. Dược thủy sản (2 tín chỉ)

Môn Dược thủy sản cung cấp kiến thức cơ bản để sinh viên có thể hiểu và áp dụng các phương pháp dược lý vào việc quản lý và bảo vệ sức khỏe của thủy sản một cách hiệu quả. Sinh viên được học về cấu trúc, chức năng sinh học của các loài thủy sản để hiểu rõ hơn về cơ sở bệnh lý và phản ứng dược lý của chúng. Sinh viên tìm hiểu về các loại thuốc và hợp chất dược phẩm được sử dụng để điều trị và phòng ngừa bệnh lý ở cá và các loài thủy sản khác. Sinh viên học về cách áp dụng đúng liều lượng, phương pháp sử dụng và quản lý dược phẩm trong quá trình nuôi thủy sản. Sinh viên được hướng dẫn về các tiêu chuẩn kiểm định và quản lý chất lượng của các sản phẩm dược phẩm sử dụng trong thủy sản, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và môi trường.

111. Bệnh tôm (2 tín chỉ)

Môn học tập trung mô tả các bệnh phổ biến trên tôm, phương pháp chẩn đoán và điều trị. Đồng thời giới thiệu công nghệ nuôi tôm thể hệ mới và bền vững nhằm kiểm soát bệnh trong hệ thống nuôi. Đồng thời, sinh viên được học về các biện pháp phòng tránh sự lây lan, quản lý bệnh, và nâng cao năng suất nuôi. Các thực hành và nghiên cứu thực tế thú vị giúp áp dụng kiến thức vào thực tế.

112. Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho người học kiến thức về các giải pháp, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, nhằm thúc đẩy phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy sản nước lợ và mặn chủ lực của nước ta theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị thêm kiến thức liên quan đến các ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ sinh học, công nghệ gen, ...) trong việc chọn tạo con giống nâng cao năng suất, hiệu quả các mô hình nuôi; quản lý môi trường và dịch bệnh cho các đối tượng thủy sản.

113. Tập tính học thú cưng (1 tín chỉ)

Học phần tập tính học thú cưng sẽ giới thiệu tình hình nuôi, phát triển về thú cưng Việt Nam và thế giới. Sinh viên sẽ học tập về tập tính từng loài về: tập tính giống loài; tập tính quan hệ tác động giữ môi trường và thú cưng; tập tính sinh trưởng phát triển; tập tính phát triển các giác quan; tính thống trị xã hội (bầy đàn); tập tính sinh sản; đặc tính sinh lý đặc trưng từng loài. Từ những tập tính trên BSTY sẽ ứng dụng phát triển nghề về tư vấn, hướng dẫn chủ nuôi hoặc phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng hiệu quả. Khắc phục các tính bất thường của thú cưng khi nuôi, huấn luyện. Thực hành thân thiện với thú cưng, kỹ thuật tham vấn, chăm sóc sức khỏe dự phòng, quản lý sinh sản và chăn nuôi tốt.

114. Bệnh thú cưng (2 tín chỉ)

Học phần này sẽ giúp sinh viên nhận biết về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng điển hình (nhận biết), phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng và trị. Tập trung các bệnh truyền lây trên chó, mèo, chuột, thỏ. Thêm các bệnh nguy cơ truyền lây của người chăm sóc thú cưng để tránh ảnh hưởng sức khỏe con người và động vật. Các bệnh hệ thống: bệnh hô hấp, bệnh hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, dinh dưỡng, lông da, ... Các bệnh này cũng đưa ra hướng chẩn đoán phân biệt, phác đồ điều trị thích hợp cho từng đối tượng. Thuốc sử dụng tại phòng khám, bệnh viện chuyên cho thú cưng.

115. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng (2 tín chỉ)

Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được về cấu tạo, chức năng các hệ theo đặc điểm sinh lý từng nhóm động vật (chó, mèo). Cấu tạo chức năng của răng và sự phát triển của răng, đánh giá tuổi chó mèo qua răng. Nhu cầu dinh dưỡng thiết yếu cho chó mèo. Những kiến thức cần thiết, hạn chế khi chăm sóc nuôi dưỡng. Chăm sóc dinh dưỡng cho từng lứa tuổi. Vệ sinh thú cưng về cơ thể, nơi ở, môi trường sống. Quy trình phòng bệnh thú cưng. Vắc xin phòng bệnh thú cưng. Sau khi học, biết tư vấn dinh dưỡng cho chó mèo, chọn thức ăn phù hợp cho từng đối tượng, biết tổng hợp khẩu phần thức ăn và công thức sản xuất thức ăn cho thú cưng.

116. Thẩm mỹ thú cưng (2 tín chỉ)

Thẩm mỹ thú cưng là học phần hướng dẫn cho sinh viên về: Tiềm năng nghề nghề Grooming ở Việt Nam; Hướng dẫn quy Trình Grooming chuyên nghiệp; Vệ sinh cơ bản, cắt móng, chải lông, tắm sấy khô, đánh tơi lông, cắt tỉa theo yêu cầu. Giới thiệu các dụng cụ cần thiết cho grooming, cách cầm kéo, sử dụng các loại kéo, hướng dẫn cắt phần mình, 2 chân sau, đuôi và hoàn thành cắt lông trên 1 giống chó.

117. Ngoại khoa thú cưng (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các nội dung về cơ chế lành vết thương, vô trùng dụng cụ và phẫu thuật, chuẩn bị dụng cụ cho ca phẫu thuật, tiến trình chuẩn bị cho ca phẫu thuật, vệ sinh sau phẫu thuật, thuốc sử dụng trong phẫu thuật, hồi sức và các trường hợp cấp cứu nguy kịch, kim và chỉ may, các đường may cơ bản trong phẫu thuật.

118. Ngoại khoa thú cưng - Thực hành (1 tín chỉ)

Thực hành trên mô hình và thực hành trên động vật về: gây mê, gây tê, đặt các thiết bị hỗ trợ trước khi phẫu thuật, chọn dụng cụ, phương pháp vô trùng, khử trùng, thực hành may, lựa chọn thuốc hướng thần kinh và gây mê hồi sức thực nghiệm trên thú.

119. Tập tính học thú cưng - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ hướng dẫn thực hiện việc huấn luyện thú cưng: nhận biết đồ vật, tập đi vệ sinh đúng chỗ, đếm số thứ tự ...

2.6.4 Các học phần thuộc khối kiến tốt nghiệp

120. Thực tập trang trại gia cầm (2 tín chỉ)

Là môn học giúp cho sinh viên có được các kiến thức thực tế về kỹ thuật đánh giá giống, chọn giống, nhân giống và kiểm soát bệnh trên gia cầm; vận dụng các kiến thức đã được học vào trong thực tế của từng cơ sở, trại chăn nuôi; đồng thời giúp cho sinh viên có được các kinh nghiệm thực tế cũng như hướng xử lý phù hợp. Ngoài ra, môn học còn giúp cho sinh viên có khả năng tự lập kế hoạch, tổ chức công việc và quản lý con giống, kỹ thuật và điều trị bệnh ở các trang trại chăn nuôi gia cầm một cách có hiệu quả nhất.

121. Thực tập trang trại heo (2 tín chỉ)

Học phần thực hành trang trại được xây dựng giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tế của ngành Thú y. Nội dung chính của học phần là các trang trại nuôi heo.

122. Thực tập trang trại thủy sản (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về các trang thiết bị, cách thiết kế, vận hành trại sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản. Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế hiện trạng (kỹ thuật, kinh tế, xã hội...) của nghề thủy sản.

123. Thực tập phòng khám Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác Thú y ở các cơ sở thực tập. Nâng cao tay nghề trong công tác Thú y thông qua các hoạt động tiếp nhận bệnh, chẩn đoán và điều trị tại phòng khám Thú y.

124. Thực tập trang trại (2 tín chỉ)

Sinh viên được thực hành thành thạo các quy trình kỹ thuật chăn nuôi cơ bản đến nâng cao và quản lý trang trại chăn nuôi đại gia súc. Sau khi hoàn thành khóa học sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bị một số bệnh thông thường. Học phần cũng có thể giúp người học có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chủ động củng cố kỹ năng làm việc nhóm, và trách nhiệm bảo vệ môi trường và phúc lợi cho động vật.

125. Thực tập chẩn đoán hình ảnh (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên áp dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn bằng cách tham gia vào công tác chẩn đoán hình ảnh ở các cơ quan nghiên cứu và phòng khám Thú y. Nâng cao kỹ năng sử dụng các thiết bị chẩn đoán hình ảnh như máy siêu âm, X-quang, cộng hưởng từ.

126. Thực tập kiểm nghiệm Thú y (2 tín chỉ)

Sinh viên được tham gia thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán khác nhau trên động vật để xác định bệnh, ký sinh trùng và các vấn đề sức khỏe khác. Sinh viên được làm việc với thiết bị phòng thí nghiệm, thực hiện thu thập và xử lý mẫu; hiểu kết quả xét nghiệm. Trải nghiệm thực tế, hiểu về tầm quan trọng của các quy trình chẩn đoán chính xác và kịp thời khi chăm sóc sức khỏe vật nuôi.

127. Thực tập dược Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên được tham gia làm việc cùng với cán bộ dược Thú y, thực tập pha chế thuốc, chuẩn bị đơn thuốc và hiểu các thông tin sử dụng thuốc cho vật nuôi. Sinh viên được trải nghiệm thực tế; được cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại thuốc phổ biến thường được sử dụng trong chăm sóc Thú y, tính toán liều lượng và tầm quan trọng của thuốc sử dụng cho động vật.

128. Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi (2 tín chỉ)

Cung cấp kiến thức về nhu cầu dinh dưỡng của các loài động vật khác nhau và quy trình chế biến thức ăn tiêu chuẩn. Sinh viên được tham gia vào quá trình tạo, thử nghiệm và đánh giá các công thức thức ăn đầy đủ dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển và sức khỏe của vật nuôi. Sinh viên trải nghiệm thực tế, hiểu tầm quan trọng của kiểm soát chất lượng, nguyên liệu và hiệu quả sản xuất thức ăn chăn nuôi.

129. Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Sinh viên nhận đề tài của Giảng viên hướng dẫn và được hướng dẫn trực tiếp. Sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn có liên quan đến Thú y. Sinh viên tiến hành các bước thí nghiệm theo phương pháp khoa học và trình bày báo cáo kết quả trước Hội đồng cũng như công bố khoa học.

130. Tiểu luận tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Sinh viên thực hiện một dự án nhỏ, giúp ôn lại các mảng kiến thức và phát triển các kỹ năng thực hành đã được học trong suốt khóa học, đồng thời giúp định hướng nâng cao kiến thức chuyên môn cho sinh viên trong lĩnh vực Thú y. Chủ động bố trí, thiết kế và đánh giá các thí nghiệm cho riêng mình dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn. Chủ động điều phối và quản lý quỹ thời gian để đạt được các mục đích đã đề ra trong mô hình nghiên cứu đã lựa chọn

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	167	169	170	175	221 units			Tương thích với các chương trình đối sánh trong nước
Thời gian học	4,5 năm		5 năm		6 năm		4 năm	
Cấu trúc chương trình: (số lượng học phần)	96 (gộp LT và TH chung cho 1 học phần)	98	81	75	61	63	62	
Giáo dục đại cương	- Triết học Mác - Lênin - Kinh tế Chính trị Mác - Lênin - Chủ	- Triết học Mác Lênin 3 - Pháp luật đại cương 2 - Kinh	- Nh ững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác-	- Pháp luật đại cương 3 - Triết học Mác – Lênin - 3 - Kinh		- Philosophy of Science		Tương thích với các chương trình đối

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	nghĩa Xã hội khoa học - Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật đại cương	tể chính trị Mác- Lênin 2 - Chủ nghĩa xã hội khoa học 2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2	Lênin 1- 2 - Phá p luật đại cương - 2 - Log ic học đại cương 2 - Nh ững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác- Lenin 2- 3 - Đư ờng lối cách	tể chính trị Mác- Lênin 2 - Chủ nghĩa xã hội khoa học 2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2				sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
			mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - 3 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Tiế ng Việt TH- 2 - Cơ sở VHVN - 2 - Văn bản và lưu trữ học DC 2					

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
			- Xã hội học ĐC -2 - Giáo dục thể chất 1,2,3-1+1+1					
Khoa học cơ bản	- Ngoại ngữ cấp độ 1-6 - Tin học MOS 1 (Windows, Word) - Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint) - Tư duy	- Kỹ năng giao tiếp 2 - Pháp văn 3 -3 - Tin học đại cương 3 - Anh văn 1 -4 - Pháp văn 1 - 4	- Anh văn căn bản 1,2,3 – 4+3+3 - Tin học căn bản -1 - Kỹ năng mềm – 2 - Anh văn	- Tiếng Anh 1,2,3,4 – 3+3+3+3 - Nhập môn CN thông tin - Tâm lý học ứng dụng - Tư duy thiết				Tương thích với các chương trình đối sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	phản biện - Tư duy sáng tạo	- Anh văn 2 - 3 - Khởi nghiệp - 2 - Marke ting căn bản - 2 - Quản trị học – 2 - Toán cao cấp B1 2	tăng cường 1,2,3 - 4+3+3 - Phá p văn KH CN 2 - Phá p văn 1,2,3 – 3+3+4 - Phá p văn tăng cường 1,2,3 3+3+4 - Toá n cao cấp B - 3	kế dự án 3 - Tiến g Anh 1 -3 - Tiến g Anh 2- 3 - Quản trị học -3				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
KN, ĐMST, NLS & CNCD	- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo - Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số - Cơ bản - Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số - Nâng cao - Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở			- Đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp 3	- Foundations of Entrepreneurship (3)	- Entrepreneurship		
Cơ sở ngành	- Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	- Hóa học đại cương 3 - Thí	- Hóa học ĐC NN - 2 - Thự	- Động vật học (3) - Xác suất -	- Introduction to Clinics (2) - Sinh hóa đại cương 3	- Introduction to Veterinary Science - Veterinary	- The Veterinary Professional 1 (Hóa học	Tương thích với các

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Hóa hữu cơ và phân tích - Sinh hóa - Animal cellular and molecular biology - Animal Genetics - Vi sinh vật học - Vi sinh vật học - Thực hành - Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật - Sinh lý	- thực nghiệm Hóa ĐC 1 - Sinh học đại cương 2 - Thực hành Sinh học Đại cương 1 - Sinh học động vật 3 - Vật lý 1 -2 - Hoá phân tích -2 - Khí tượng đại cương 2 - Nhập	- c hành hóa ĐC 1 - Sinh học đại cương A1 -2 - TT SH ĐC A1 1 - Sinh học đại cương A2 – 2 - TT SH ĐC A2-1 - Kiểm m - thực nghiệm Sản	- Thống kê - 3 - Kiểm nghiệm sản phẩm động vật 3 - Di truyền và chọn giống động vật – 3 - Cơ thể học gia súc 3 - Thực hành cơ thể học động vật 1 - Sinh	- Macroscopic Anatomy I (5) - Macroscopic Anatomy II (4) - Microscopic and Anatomy I (3) - Microscopic and Developmental Anatomy II (4) - Clinical Clerkship (2) - General Pathology (4) - Systemic Pathology (3) - Biochemical Aspects in Animal	- Clinical Diagnosis - Animal Genetics - Basic Veterinary Anatomy - Veterinary Topography Anatomy - Lecture of Histology - Practical of Histology - General Veterinary Pathology - Veterinary Systemic Pathology - Lecture of	- ĐC, Hóa HC, Sinh, Sinh hóa) - Professional Skills 1B - general chemistry (physical and inorganic), organic chemistry, biology and biochemistry - Professional Skills 1A - (thực hành hóa, hóa học, sinh, sinh hóa) - Foundations of	chương trình đối sánh

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	động vật 1 - Sinh lý động vật 2 - Sinh lý động vật - Thực hành - Cơ thể động vật đại cương - Cơ thể động vật đại cương - Thực hành - Mô phôi - Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm - Dinh dưỡng và	môn Thú Y -2 - Sinh hóa đại cương-2 - Di truyền học đại cương-2 - Cơ thể 1 -3 - Cơ thể 2 – 2 - Mô học – 2 - Chăn nuôi đại cương – 2 - Sinh lý bệnh (CN)– 2	phẩm động vật 3 - Chẩn đoán Thú y 2 - An mal Genetics - 2 - Cơ thể học gia súc 2 - Sinh lý bệnh thú Y - Giả i phẫu bệnh lý 3 - Sin	lý bệnh động vật 3 - Giải phẫu bệnh Thú y 3 - Sinh hóa động vật 3 - Thực hành sinh hóa động vật - 1 - Vi sinh cơ bản 3 - Vệ sinh Thú y và an toàn sinh học 3 - Sinh	Processes 2 - Theriogenolo gy (3) - General Physiology (4) - General Microbiology (4) - Systemic Physiology (4) - Research Methods in Veterinary Medicine (3) - Clinical Conference I (1) - Clinical Conference II (1) - Principles of Animal Breeding	Veterinary Biochemistry - Practice of Veterinary Biochemistry - Applied Anatomy and Capita Selecta - Bioproduct, Biosafety and Biosecurity - Bacteriology and Mycology - Bacterial and fungal diseases - Basic Research Methodology - Advanced Research	Veterinary Science A - (General chemistry (physical and inorganic), organic chemistry, biology and biochemistry - Foundatio ns of Veterinary Science B - (semesters of chemistry, 1 semester of biology, 1 semester of biochemistry	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	chăn nuôi gia cầm - Thực hành - Miễn dịch Thú y - Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y - Dịch tễ học Thú y - Giống và chọn giống vật nuôi - Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y - Kỹ thuật	- Giải phẫu bệnh 1-2 (CN) - Giải phẫu bệnh 2 - 2 - Sinh hóa biến dưỡng - 3 - Sinh lý 1 -3 - Vi sinh học đại cương -3 - Phươn g pháp nghiên cứu KH -2 - Sinh lý 2 -3	h hóa B 2 - TT Sinh hóa 1 - Vệ sinh Thú y - Phư ơng pháp nghiên cứu khoa học nông nghiệp 2 - Sin h lý gia súc - 3 - Din h dưỡng gia súc 3 - Miể	lý gia súc - 3 - Thực hành sinh lý gia súc 1 - Dinh dưỡng động vật và thức ăn chăn nuôi 3 - Miễn dịch học Thú y và vắc xin- 3 - Thốn g kê ứng dụng trong chăn nuôi	(3) - Fundamental s of Immunology (2) - Statistics for the Biological Sciences 3	Methodology - Lecture of Veterinary Physiology - Practical of Veterinary Physiology - Animal Feed and Nutrition Science - Immunology	- The Veterinary Professional 2 - Profession al Skills 2A - Research and Enquiry 2A - Research and Enquiry 2B - Abattoir Placement*** - Clinical Foundations Y3 - Principles of Animal Disease A - Principles of Animal Disease B - Research	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	xét nghiệm phân tử - Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	- Dinh dưỡng động vật – 3 - Miễn dịch – 3 - Thống kê trong CNTY 3 (CN) - Sinh học phân tử -3	n dịch học 3 - Xác suất thống kê CNTY - 3	- Thú y 3 - Thực hành thống kê ứng dụng trong chăn nuôi - Thú y - 1 - Sinh học phân tử 3			and Enquiry 1A - Research and Enquiry 1B - Profession al Skills 2B	
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	- Vi sinh Thú y - Vi sinh Thú y - Thực hành - Dược lý Thú y - Dược lý	- Vi sinh Thú y - 3 - Dược lý cơ bản – 4 - Hệ thống canh	- Vi sinh đại cương TY 2 - Dư ợc lý thú Y A 3 - Tổ	- Vi sinh bệnh động vật – 3 - Thực hành vi sinh bệnh động vật	- Veterinary Microbiology and Mycology (3) - Veterinary Pharmacology and Therapeutics I (4) - Veterinary Pharmacology and	- Veterinary Pharmacology - Veterinary Pharmacy Science - Environment al Health - Large Animal Internal Medicine	- Small Animal Clinics A Y4 - Small Animal Clinics B Y4 - Small Animal Clinics	Tương thích với các chương trình đối

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	Thú y - Thực hành - Ký sinh trùng Thú y - Ký sinh trùng Thú y - Thực hành - Sinh lý bệnh Thú y - Giải phẫu bệnh Thú y - Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành - Cơ thể động vật so sánh - Bệnh	tác -2 - Nông học đại cương -2 - Môi trường & SK vật nuôi - 2 - Thực tập Thú y trang trại 2 - Phươn g pháp bố trí thí nghiệm -3 - Nội khoa 1 – 3 - Nội khoa 2 – 2 - Sản	chức học động vật - 3 - Vệ sinh môi trường chăn nuôi 2 - Nội khoa gia súc 4 - Sản khoa gia súc 3 - Dịch h tế học 2 - Vi sinh Thú y 2	- - Dược lý Thú y- 3 - Thực hành dược lý Thú y 1 - Dược liệu Thú y 3 (N. Thẩm mỹ) - Cơ khí hóa và tự động hóa trong chăn nuôi - Thú y (N. Bệnh học) - Tổ	Therapeutics II (4) - Animal Welfare (3) - Veterinary Endocrinology and Reproductive Physiology (4) - Epidemiolog y (3) - Veterinary Helminthology (4) - Principles of Surgery and Anesthesiology (3) - Small Animal Surgery (4) - Large Animal Surgery (3) - Zoonoses (2)	- Lecture of Physiology and Technology of Reproduction - Practical of Physiology and Technology of Reproduction - Veterinary Epidemiology and Economics - Veterinary Acupuncture - Veterinary General Surgery (Pre- peri- and post surgery) - Veterinary Special Surgery	C - Small Animal Clinics D - Research and Enquiry 3A Y3 - Research and Enquiry 3B - Extramura l Placement 3 3Y - Extramura l Placement 4 3Y - Veterinar y Practice Management Y3 - Intensive	sánh

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	nội khoa 1 - Bệnh nội khoa 1 - Thực hành - Sản khoa - Sản khoa - Thực hành - Ngoại khoa 1 - Ngoại khoa 1 - Thực hành - Bệnh truyền nhiễm chung - Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	khoa – 3 - Dịch tễ học – 2 - Ngoại khoa 1 – 3 - Ngoại khoa 2-2 - Thực tập bệnh viện Thú y – 2 - Bệnh truyền lây giữa Đv & người – 2 - Bệnh truyền nhiễm thú nhai lại – 1 - Ký	- Ng oại khoa gia súc - 3 - Thự c hành bệnh xá - Bện h dinh dưỡng - Chă n nuôi chó mèo - 2 - Bện h truyền nhiễm gia súc , gia cầm - Độc	chức học động vật – 3 - Môi trường trong chăn nuôi - Thú y- 3 - Bệnh nội khoa gia súc - 3 - Sản khoa - 3 - Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc 3 - Ngoại	- Veterinary Helminthology (4) - Canine and Feline Medicine (4) - Veterinary Virology (3) - General Principles of Animal Production (3) - Jurisprudenc e, Ethics, and Economics (2) - Clinical Pathology (3) - Veterinary Diagnostic Imaging (2) - Laboratory	(Applied surgery) - Veterinary Public Health - Zoonosis - Veterinary Parasitology - Parasitic Disease - Management of Horses, Dogs and Cats - Virology, - Viral disease - Health of Foods of Animal Origin - Poultry Health Management - Veterinary	Animal Practice Y3 - Extramura l Placement 1 Y4 - Extramura l Placement 2 Y4 - Lab - Investigati ons of Clinical Disease Y4 - Small Animal Practice A Y3 - Small Animal Practice B Y3 - Lab Investigations	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm - Kiểm nghiệm thú sản - Luật Thú y và phúc lợi động vật - Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y - Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	- sinh trùng 1 – 2 - Ký sinh trùng 2 – 2 - Bệnh chó mèo -2 - Kiểm nghiệm thú sản -4 - Bệnh truyền nhiễm gia cầm 2 - Thực hành bệnh truyền nhiễm 1 - Độc chất học	- chất học Thú y 2 - Bệnh ký sinh gia súc, gia cầm - Luật thú Y -2 - Niên luận - Bệnh thú hoang dã -2 - Chọn giống gia súc 2 - Chẩn đoán cận lâm	- i khoa Thú y – 3 - Thực hành ngoại khoa Thú y 1 - Bệnh truyền lây giữa động vật và người 3 – (N. BS) - Bệnh dinh dưỡng và độc chất học Thú y - 3 - Ký sinh trùng	- Diagnostics in Veterinary Medicine (2) - Veterinary Entomology and Protozoology (4) - Husbandry and Health Management of Laboratory Animals (3) - Aquatic and Wildlife Medicine (2) - General Principles of Veterinary Medicine (2) - Veterinary Embryology	- Pharmacotherapy and - Toxicology - Veterinary Legislation - Seminar - Wild Animal and Veterinary Clinical Pathology - Radiology - Management of Experimental Animals - Aquatic Animal Health Science/Diseases - Animal Feed Technology - Veterinary Forensic	- of Clinical Disease Y3 - Veterinary Public Practice - Exotic and Wildlife Practice Y3 - Preparator y Clinical Placement 1 Y2 - Preparator y Clinical Placement 2 Y2 - Animal Management Systems 1 (năm 1) - Animal Management	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Hỗ trợ sinh sản vật nuôi - One health - Môi trường và sức khỏe vật nuôi - Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi - Chăn nuôi công nghệ cao - Ngoại khoa 2 - Ngoại	- Thú y -2 - Bệnh truyền nhiễm heo - 2 - Luật Thú y-2 - Kỹ năng báo cáo chuyên đề -2 - Kỹ thuật xử lý chất thải – 2 - Quản trị trang trại – 2 - Thú hoang dã -2 - Giống	- sàng - Tin học ứng dụng CNTY 2 - Nuôi động vật thí nghiệm - 2 - An h văn chuyên ngành 2 - Thú c ăn gia súc 2 - Qu yền lợi và tập	- động vật 3 - Thực hành ký sinh trùng động vật-1 - Bệnh chó mèo 3 - Chăn nuôi chó mèo – 3 (N. BS) - Chăm sóc và thẩm mỹ thú cưng 3 - Chăm sóc và thẩm mỹ thú cưng nâng cao	- Principles of Animal Breeding (3) - Food Hygiene (4) - Poultry Medicine (3) - Poultry Production (3) - Swine Medicine (3) - Swine Production (3) - Ruminant Medicine (2) - Ruminant Production (3) - Equine Medicine (2) – Thú y trên ngựa	- Lecture of Obstetrics and Infertility - Practical of Obstetrics and Infertility - Poultry and Non-ruminant sciences - Ruminant Science - Health Management of Dairy Cattle	- Systems 2 (Y2) - Public, Industry, or Community Placement Y4 - Livestock Practice A Y3 - Livestock Practice B Y3 - Dairy Cattle Industry Placement năm Y1 - Beef Cattle Industry Placement Y1 - Sheep Industry Placement Y2	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	khoa 2 -Thực hành - Ngoại khoa chuyên sâu - Ngoại khoa chuyên sâu - Thực hành - Ngoại khoa thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Thực hành - Chẩn đoán hình ảnh - Chiết xuất được liệu - Sinh lý	động vật 1 – 3 - Công nghệ SH ứng dụng trong TY – 2 - Chẩn đoán hình ảnh – 2 - Chẩn đoán phòng thí nghiệm – 2 - Khoa học Ong – 2 - Khoa học thú thí nghiệm – 2 - Bệnh	tính đv 2 - Thú tinh nhân tạo - Vi sinh trong chăn nuôi 2 - Quả n lý dịch bệnh trên đàn gia súc - Chă n nuôi gia cầm B2 - Chă n nuôi	3 (N. Thẩm mỹ) - Bệnh truyền nhiễm gia súc 3 - Bệnh truyền nhiễm chung và bệnh truyền nhiễm gia cầm -3 - Thực tập trang trại 6 - Luật Chăn nuôi và Luật	- Equine Production (2)			

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	bệnh và giải phẫu bệnh học thú y nâng cao - Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học thú y nâng cao - Thực hành - Độc chất học thú y - Bệnh nội khoa 2 - Bệnh nội khoa 2 - Thực hành - Chuyên đề nghiên cứu bệnh học thú y	cá (Nuôi trồng thủy sản) – 3 - Bệnh tôm – 3 - Anh văn chuyên ngành 3 - Tập tính động vật 2 - Thực tế Thú y 2 - Dược lý lâm sàng 4 - Truỳề n tinh truyền phôi 2	heo B -2 - Chă n nuôi thú nhai lại B - Chă n nuôi Dê 2 - Thú y cơ sở tổng hợp - B 2 - Thú Y chuyên ngành 1B -2 - Thú Y chuyên ngành 2B - 2	Thú y – 3 (ĐC) - Bệnh thú hoang dã 3 (N. Bệnh học) - Chẩn đoán lâm sàng Thú y 3 - Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi - Thú y 3 - Chẩn đoán hình ảnh Thú y - 3				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Dược liệu thú y - Dược lâm sàng thú y - Hóa dược thú y - Hóa dược thú y - Thực hành - Dược động học Thú y ứng dụng - Công nghệ vaccine - Công nghệ vaccine - Thực hành - Thiết kế thuốc - Chẩn đoán	- Một sức khỏe (one Health) 2 - Thực hành một sức khỏe 2 - Vi sinh chăn nuôi 3 - Quản lý trại chăn nuôi 2 - Quản lý nguy cơ sinh học PTN 2 - Bảo quản chế biến súc sản	- Thú y cơ sở tổng hợp 4 - Thú Y CN1 3 - Thú Y CN2 3	- Chẩn đoán phòng thí nghiệm Thú y - 3 - Bệnh Cá tôm 3 (N. Bệnh học TY - Chăn nuôi gia cầm và heo 3 - Kinh tế trong CN – TY 3 (N. Thảm Mỹ) - Chăn nuôi thú				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	bệnh thủy sản - Bệnh cá - Bệnh cá - Thực hành - Nuôi trồng thủy sản nước ngọt - Nuôi trồng thủy sản nước ngọt - Thực hành - Dược thủy sản - Bệnh tôm - Nuôi trồng thủy sản - Chiết xuất dược liệu - Thực hành - Tập tính học	2 - Chăn nuôi gia cầm đại cương 2 - Chăn nuôi heo đại cương 2 - Chăn nuôi thú nhai lại ĐC 2		nhai lại 3 - Dịch vụ thú Y 3 (N. BS)				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	thú cưng - Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng - Thâm mỹ thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Thực hành - Tập tính học thú cưng - Thực hành							
Thực tập và trải nghiệm	- Thực tập trang trại gia cầm - Thực	- Thực tập bệnh viện Thú y - 2	- Thực hành Thú y cơ sở	- Thực tập bệnh viện Thú y 3	- Clinical Internship I (6) - Clinical Internship II (14)	- Veterinary Counseling - KKN-BBM (fieldwork)	- Veterinar y Practice Management Y3	Tương thích với các

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	tập trang trại heo - Thực tập trang trại - Thực tập trang trại thủy sản - Thực tập phòng khám Thú y - Thực tập chẩn đoán hình ảnh - Thực tập kiểm nghiệm Thú y - Thực tập dược Thú y - Thực	- Thực tập Thú y trang trại 2	- Thực c hành trang trại - Thực c hành bệnh xá	- TTN N: Tiếp cận nghề và xây - dựng hồ sơ nghề nghiệp 1, 1- 1 + 1 - TTN N: Kỹ năng viết đề - cươn g và khóa luận - 1			- Intensive Animal Practice Y3 - Industry Placement Elective Experience 1 Y1 - Industry Placement Elective Experience 2 Y1 - Industry Placement Elective Experience 3 Y1 - Large Animal Clinics	chương trình đối sánh, có nhiều lựa chọn thực tập phong phú cho sinh viên trải nghiệm

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	tập sản xuất thức ăn chăn nuôi						A Y3 - - Large Animal Clinics B y3 - Horse Industry Placement năm Y1 - Equine Practice A Y3 - Equine Practice B Y3	
Đồ án/Khóa luận tốt nghệ nghiệp	- Khóa luận tốt nghệ nghiệp - Tiểu luận tốt nghệ nghiệp	- Khóa luận tốt nghệ nghiệp 12 - Tiểu luận tốt nghệ nghiệp (5 TC) + phải	- Luận n văn 10 - Tiể u luận tốt nghệ nghiệp -4	- Tiểu luận chăm sóc thâm mỹ 3 - Tiểu luận bệnh học Thú y	- Undergradua te Thesis (6)	- Thesis	- Thesis	Tương thích với các chương trình đối

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	tập trang trại heo - Thực tập trang trại - Thực tập trang trại thủy sản - Thực tập phòng khám Thú y - Thực tập chẩn đoán hình ảnh - Thực tập kiểm nghiệm Thú y - Thực tập dược Thú y - Thực	- Thực tập Thú y trang trại 2	- Thực c hành trang trại - Thực c hành bệnh xá	- TTN N: Tiếp cận nghề và xây - dựng hồ sơ nghề nghiệp 1, 1- 1 + 1 - TTN N: Kỹ năng viết đề - cươn g và khóa luận - 1			- Intensive Animal Practice Y3 - Industry Placement Elective Experience 1 Y1 - Industry Placement Elective Experience 2 Y1 - Industry Placement Elective Experience 3 Y1 - Large Animal Clinics	chương trình đối sánh, có nhiều lựa chọn thực tập phong phú cho sinh viên trải nghiệm

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	tập sản xuất thức ăn chăn nuôi						A Y3 - - Large Animal Clinics B y3 - Horse Industry Placement năm Y1 - Equine Practice A Y3 - Equine Practice B Y3	
Đồ án/Khóa luận tốt nghệ	- Khóa luận tốt nghệ - Tiểu luận tốt nghệ	- Khóa luận tốt nghệ 12 - Tiểu luận tốt nghệ (5 TC) + phải	- Luận văn 10 - Tiểu luận tốt nghệ -4	- Tiểu luận chăm sóc thăm mỹ 3 - Tiểu luận bệnh học Thú y	- Undergradua te Thesis (6)	- Thesis	- Thesis	Tương thích với các chương trình đối

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
		đạt thêm 5 TC nhóm tự chọn chuyên ngành		3 - Tiêu luyện bác sỹ Thú y - 3				sánh
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	- Bệnh học động vật - Dược Thú y - Thú y thủy sản - Thú cung							Có phân chia 4 chuyên ngành hẹp để sinh viên lựa chọn theo yêu

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
								thích

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Hoạt động dạy - học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và các mức tự chủ & trách nhiệm.

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Vai trò của giảng viên	Sự tham gia của sinh viên	Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập
<i>Chiến lược dạy học trực tiếp</i>	<i>Thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Áp dụng khi khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.</i>		
Thuyết giảng	- Giảng giải, diễn giảng: giảng viên dùng lời và các phương tiện để giải thích làm sáng tỏ vấn đề	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	- Giảng thuật: giảng viên kể lại, thuật lại, mô tả lại những hiện tượng, thí nghiệm hoặc trình bày lịch sử quá trình phát triển một đối tượng nào đó	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Diễn trình	Giảng viên trình bày các thao tác với đồ dùng dạy học (dụng cụ, mô hình...) để người học quan sát	- Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi liên quan. - Người học nhận thức đúng đắn sự vật, hiện tượng, các thí nghiệm...	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

		hoặc các thao tác thuộc kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, qua đó người học nhận thức, ghi nhớ và làm theo các thao tác mẫu.	trách nhiệm đối với nhóm.
Tham luận	Các doanh nghiệp bên ngoài tham gia diễn giảng	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Bài tập thực hành	Giảng viên làm mẫu, hướng dẫn các bước hoặc công thức để sinh viên thực hiện tương tự	Thực hành tự lực của người học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, rèn luyện kỹ năng làm bài thành thực.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
<i>Chiến lược dạy học gián tiếp</i>	<i>Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên.</i>		
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp sinh viên <u>từng bước</u> trả lời câu hỏi	Sinh viên <u>từng bước</u> trả lời câu hỏi, theo gợi ý của giảng viên. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Giải quyết vấn đề	Giảng viên đặt ra một vấn đề cần giải quyết	Tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra thông qua vận dụng tổng hợp các kiến	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm

(Problem solving)		thức và kỹ năng đã được học, từ đó đạt được kiến thức và kỹ năng mới	việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Dạy học theo tình huống (Case study)	Giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết	Sinh viên liên hệ các kiến thức được học để phân tích tình huống, phản biện hoặc đưa ra cách xử lý tình huống và luận giải về cách đó. Sinh viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
<i>Chiến lược dạy học tương tác</i>	<i>Giáo viên với vai trò hướng dẫn đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó.</i>		
Tranh luận (Debates)	Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Giảng viên <u>theo dõi và dẫn dắt</u> cuộc tranh luận.	Sinh viên được chia thành các nhóm với các <u>quan điểm trái ngược nhau</u> về một vấn đề. Sinh viên phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Thảo luận (Discussion)	Giảng viên đưa ra các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Giảng viên <u>theo dõi và dẫn dắt</u> buổi thảo luận.	Sinh viên được chia thành các nhóm, mỗi nhóm <u>cùng một chủ đề hoặc vấn đề</u> , mỗi thành viên trong nhóm tham gia thảo luận tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của nhóm.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Học nhóm (Peer Learning)	Giảng viên nêu vấn đề cần giải quyết.	Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Thuyết trình cá nhân / Thuyết trình nhóm	Giảng viên nêu chủ đề thuyết trình, các yêu cầu của bài thuyết trình, tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá bài thuyết trình và làm việc nhóm của sinh viên	Sinh viên làm việc nhóm, soạn thảo bài thuyết trình, trình bày, trả lời câu hỏi. Lắng nghe và phản biện, nhận xét bài báo cáo thuyết trình của các nhóm khác.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
<i>Chiến lược dạy học trải nghiệm</i>	<i>Người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua trực tiếp làm, thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.</i>		

Dạy học thông qua làm mô hình/project	Hướng dẫn quá trình xây dựng mô hình, project	Quan sát và thiết kế mô hình/project đạt các yêu cầu đặt ra.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
Thực tập, thực tế (Field Trip)	Tổ chức các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty, giới mục đích, lộ trình và phương pháp thực tập/kiến tập và các tiêu chí đánh giá sinh viên.	Tìm hiểu mục đích, lộ trình và phương pháp thực tập/kiến tập, các tiêu chí đánh giá; thực tập; viết báo cáo thực tập. Chủ động liên hệ cơ sở thực tập, thảo luận kế hoạch thực tập với cơ sở, thực tập làm việc, chủ động trao đổi để học hỏi kinh nghiệm, tự đánh giá, cải tiến liên tục và viết báo cáo trình bày bài học kinh nghiệm. Nhận góp ý của người hướng dẫn thực tập tại cơ sở và giảng viên hướng dẫn thực tập của khoa trong quá trình thực tập để rút kinh nghiệm cải tiến.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Thực hành thí nghiệm	Giảng viên làm mẫu các thao tác thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên thực hành.	Sinh viên quan sát và thực hành tự lực dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	Đề xuất project, nghiên cứu; Hướng dẫn sinh viên tham gia vào các dự án, nghiên cứu và hỗ trợ giảng dạy cho các em sinh viên khóa sau	Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên. Sinh viên chủ động hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
Hoạt động khởi nghiệp	Người hướng dẫn khởi nghiệp thảo luận với sinh viên về ý tưởng khởi nghiệp và tư vấn cho sinh viên phát triển ý tưởng khởi nghiệp, tìm nguồn tài trợ cho sinh viên, theo dõi và tư vấn trong quá trình sinh viên khởi nghiệp	Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khởi nghiệp, trao đổi kinh nghiệm với người hướng dẫn và cộng đồng khởi nghiệp, các doanh nhân có kinh nghiệm, tự đánh giá hiệu quả và rút kinh nghiệm để cải tiến	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
<i>Chiến lược tự học</i>	<i>Tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên</i>		
Bài tập ở nhà (Work Assignment)	Giảng viên giao nhiệm vụ về nhà (homework) với những nội dung và	Sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và

	yêu cầu do giảng viên đặt ra		trách nhiệm đối với nhóm.
--	------------------------------	--	---------------------------

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp đánh giá		Vị trí đánh giá		Rubric sử dụng
			Đánh giá theo tiến trình học	Đánh giá tổng kết/ định kỳ	
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sinh viên cần thường xuyên tham gia cũng như đóng góp trong khóa học, từ đó phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.	x		Rubric 1
2	Đánh giá bài tập	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.	x		Rubric 2
3	Đánh giá thảo luận	Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.	x		Rubric 3
4	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm	x		Rubric 4

		mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.			
5	Đánh giá cá nhân trong hoạt động nhóm	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc trong nhóm của sinh viên.	x		Rubric 5
6	Báo cáo (Written Report)	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.	x	x	Rubric 6
7	Đánh giá thực hành	Sinh viên được đánh giá thông qua các thao tác thực hành, thí nghiệm và sản phẩm hay kết quả của bài thực hành.	x		Rubric 7
8	Đánh giá kiến tập			x	Rubric 8
9	Đánh giá thực tập	Sinh viên được đánh giá thái độ và hiệu quả thực tập tại đơn vị thực tập, kiến tập		x	Rubric 9
10	Bảo vệ và thi vấn đáp	Sinh viên được đánh giá thông qua phòng vấn, hỏi đáp trực tiếp.		x	Rubric 10
11	Đánh giá mô hình/project		x	x	Rubric 11
12	Kiểm tra viết	Sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về	x	x	

		những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.			
13	Kiểm tra trắc nghiệm	Tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.	x	x	

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

VIỆN TRƯỞNG
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Vũ Văn Vân